



Văn phòng Sản xuất sạch hơn
và Sản xuất tiêu dùng bền vững

CÔNG NGHỆ Xanh

BẢN TIN SẢN XUẤT SẠCH HƠN TRONG CÔNG NGHIỆP

NGÀNH CÔNG THƯƠNG
CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ
biến đổi khí hậu

SỐ 23 THÁNG 8/2018



Ảnh bìa 1: Cán bộ, công nhân Công ty Môi trường - TKV trồng cây xanh cải tạo khu bãi thải Chính Bắc - Núi Béo

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

ThS. Nguyễn Thị Lâm Giang

Vụ trưởng

Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương

Bà Đặng Thị Ngọc Thu

Tổng Biên tập Tạp chí Công Thương

BAN BIÊN TẬP

Ông Đặng Hải Dũng

Ông Cù Huy Quang

Ông Lê Bá Việt Bách

Bà Kiều Nguyễn Việt Hà

Nhà báo Hồ Nga

THƯ KÝ ÁN PHẨM

Nhà báo Minh Thủy

TÒA SOẠN

Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 024 22205384

Giấy phép xuất bản: Số 45/GP-XBBT

Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông cấp
ngày 26/7/2012

In tại: Nhà in Hợp tác Quốc tế

CÔNG NGHỆ Xanh

TIÊU ĐIỂM

- 3 Hội nghị bàn tròn về Sản xuất sạch hơn và Tiêu dùng bền vững
- 4 Phát triển ngành Công Thương hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh
- 6 Sản xuất sạch hơn: Giải pháp xây dựng khu công nghiệp sinh thái
- 8 Đầu tư xanh sẽ tạo động lực tăng trưởng trong dài hạn
- 9 Nhân xanh - Cách tiếp cận bền vững với người tiêu dùng
- 11 Ngành Công Thương chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

SẢN XUẤT SẠCH HƠN

- 14 Thành phố Hồ Chí Minh: Doanh nghiệp chú trọng sản xuất sạch
- 16 Hải Phòng trước mục tiêu xây dựng thành phố các bon thấp
- 17 Đà Nẵng: Kinh nghiệm của một tỉnh đi đầu về sản xuất sạch hơn

KINH NGHIỆM, ĐIỂN HÌNH, CÔNG NGHỆ MỚI

- 19 Mô hình tăng trưởng xanh: Bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản, Hàn Quốc
- 21 Bao bì xanh - Xu hướng tiêu dùng hiện đại
- 22 Công nghệ và sản phẩm thân thiện môi trường - Yếu tố sống còn của ngành Nhựa
- 23 Chế phẩm sinh học từ tinh bột sắn có thể giúp hoa quả tươi 35 ngày
- 24 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) chủ động thích ứng biến đổi khí hậu
- 26 Kế hoạch hành động của PVN ứng phó với Biến đổi khí hậu

VĂN BẢN MỚI

- 28 Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong thực hiện khuyến mại và tổ chức hội chợ, triển lãm
- 28 Công bố tiêu chí xác định doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- 28 Tăng cường tính minh bạch trong xác định xuất xứ hàng hóa xuất, nhập khẩu

HỘI NGHỊ BÀN TRÒN về Sản xuất sạch hơn và Tiêu dùng bền vững

Ngày 6/7/2018 tại TP. Đà Nẵng, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội nghị bàn tròn về Sản xuất sạch hơn (SXSH) và Tiêu dùng bền vững (TDBV) năm 2018.

Tham dự hội nghị có các Bộ, ngành liên quan, đại diện 63 sở Công Thương các tỉnh, Thành phố, Trung tâm khuyến công, trung tâm tiết kiệm năng lượng, các tổ chức, cá nhân đến hoạt động sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Thứ trưởng Bộ Công Thương Hoàng Quốc Vượng điều hành hội nghị.

Chiến lược SXSH trong công nghiệp đến năm 2020 có tiền đề là Hợp phần SXSH trong công nghiệp thuộc Chương trình Hợp tác phát triển về môi trường Việt Nam – Đan Mạch. Chiến lược bao gồm 5 đề án chia thành 2 giai đoạn 2009-2015 và 2016-2020.

Theo thống kê của Bộ Công Thương, tính đến hết năm 2017 trên cả nước đã có 41/63 địa phương có đầu mối về SXSH. 35 địa phương ban hành Kế hoạch, chương trình thực hiện Chiến lược SXSH 2009-2015. Đặc biệt, 22 địa phương đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược SXSH 2016-2020. Gần 100 trung tâm (khuyến công, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, xúc tiến thương mại, tư vấn phát triển công nghiệp) triển khai các hoạt động tư vấn, hướng dẫn thực hiện SXSH cho các Doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ các hoạt động của Chiến lược, Bộ Công Thương đã tổ chức hàng trăm hội thảo, tập huấn với sự tham gia của trên 25.000 lượt người. Hàng nghìn bài báo, phóng sự và ấn phẩm phổ biến SXSH đã được xây dựng ở cấp trung ương và địa phương.

Bộ Công Thương đã ban hành trên



Thứ trưởng Bộ Công Thương Hoàng Quốc Vượng dự và điều hành Hội nghị. Ảnh: Xuân Tư

20 hướng dẫn kỹ thuật về SXSH cho các ngành nghề khác nhau; Thực hiện đánh giá nhanh cho 411 doanh nghiệp, đánh giá chi tiết cho 102 doanh nghiệp; Xây dựng 02 mô hình trình diễn. Ở cấp địa phương, đã hỗ trợ đánh giá nhanh 335 doanh nghiệp; Hỗ trợ 88 mô hình áp dụng SXSH.

Sắp tới, Bộ Công Thương tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nâng cao nhận thức và năng lực; Hỗ trợ kỹ thuật và duy trì cơ sở dữ liệu website về SXSH. Tổ chức khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến 2020, đề xuất các hoạt động cho giai đoạn 2021-2030. Thực hiện Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ, trong năm 2019, dự kiến sẽ xây dựng Quy trình, thủ tục xét và công nhận mạng lưới tư vấn viên sản xuất sạch hơn ngành Công Thương

Đối với sản xuất và tiêu dùng bền vững, hiện Bộ Công Thương được Chính

phủ giao chủ trì thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất, tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với 9 nội dung cần thực hiện để triển khai sản xuất và tiêu dùng bền vững trên toàn quốc...

Hai năm đầu, các hoạt động chủ yếu là việc xây dựng chính sách, khuôn khổ pháp lý, chương trình được tại Trung ương. Sắp tới, Bộ Công Thương ban hành bộ chỉ tiêu quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững ngành Công Thương làm cơ sở cho việc theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu.

Bộ Công Thương đã thành lập Văn phòng Sản xuất sạch hơn và Sản xuất tiêu dùng bền vững giúp việc cho Ban điều hành Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 và Ban điều hành Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

TRẦN LINH

PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG THƯƠNG HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU tăng trưởng **XANH**

HOÀNG TÂM

Phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo là nhiệm vụ quan trọng góp phần xanh hóa nền kinh tế, giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng có nguồn gốc nhiên liệu hóa thạch hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và góp phần giảm phát thải khí nhà kính ứng phó với biến đổi khí hậu.

Xây dựng cơ chế chính sách

Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 432/TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012, trong đó, ngành Công Thương đóng vai trò quan trọng góp phần thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế bền vững.

Triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tổ chức thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tổng thể và chi tiết. Bao gồm, Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035; Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến; Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả qua các giai đoạn từ 2006-2015; Và gần đây nhất là Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công Thương giai đoạn 2018-2020, xét đến 2025.

Kết quả bước đầu

Thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ xanh hóa sản xuất, Bộ Công Thương đã triển khai nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên, nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất công nghiệp, giảm phát thải các chất gây ô nhiễm môi trường, tạo ra các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Trong giai đoạn 2010 đến nay, các hoạt động sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đã giúp các đơn vị nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng giai đoạn 2011-2015 được đánh giá đã đạt mục tiêu đề ra, tiết kiệm được 11,262 triệu tấn dầu quy đổi, góp phần quan trọng trong việc giảm tiêu thụ các dạng nhiên liệu hóa thạch, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng trên phạm vi cả nước.

Triển khai Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững, Bộ Công Thương đang nghiên cứu và xây dựng hệ thống phân phối xanh thông qua hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị lớn trên phạm

vi cả nước nhằm thúc đẩy hoạt động quảng bá và phát triển thị trường các sản phẩm thân thiện với môi trường, phát thải carbon thấp. Điều này vừa đáp ứng nhu cầu của thị trường và thỏa mãn sự quan tâm của khách hàng đối với các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã ban hành các thông tư quy định về định mức tiêu hao năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu cho các ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng như thép, hóa chất, bia, nước giải khát, công nghiệp sản xuất giấy, nhựa và sẽ tiếp tục hoàn thiện và ban hành các văn bản áp dụng đối với các ngành công nghiệp khác.

Chiến lược quốc gia về phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030, tầm nhìn 2050, do Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển các dạng năng lượng tái tạo như phát điện từ rác thải, điện sinh khối, điện gió, điện mặt trời, đã ban hành nhiều quy định cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các dự án điện tái tạo ở Việt Nam như Hợp đồng mua, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển và sử dụng điện sinh khối...



Thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh trong ngành Công Thương

Chuyển dịch nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát thải carbon thấp đang là xu thế chung của toàn thế giới. Do đó, các cơ chế, chính sách về phát triển công nghiệp, thương mại ở nhiều quốc gia ngày càng hoàn thiện theo hướng sử dụng hiệu quả năng lượng, phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính.

Tuy nhiên, quá trình xanh hóa sản xuất, giảm phát thải khí nhà kính và hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững của ngành Công Thương còn đối mặt với nhiều thách thức. Bên cạnh nhận thức nhận thức của nhiều doanh nghiệp và người dân đối với tầm quan trọng của chiến lược phát triển lâu dài theo hướng phát thải carbon thấp còn hạn chế, thì nguồn tài chính cho các dự án về tăng trưởng xanh cũng chưa được như mong muốn.

Việc giảm phát thải khí nhà kính bắt buộc chưa có quy định của pháp luật, các hướng dẫn kỹ thuật của quốc tế và trong nước vẫn chưa được hoàn thiện.

Do đó, đây vẫn còn là vấn đề rất mới đối với Việt Nam nói chung và lĩnh vực công nghiệp nói riêng. Do đó, nguồn lực về con người và chuyển giao công nghệ về tăng trưởng xanh chưa được xã hội quan tâm và đầu tư tương xứng.

Vì vậy, để phát triển bền vững ngành Công Thương theo hướng tăng trưởng xanh, phát thải carbon thấp ứng phó với biến đổi khí hậu, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cấp bách và lâu dài. Đó là:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách của quốc gia, những vấn đề mới như các rào cản kỹ thuật, xu thế phát triển theo hướng phát thải thấp, tăng trưởng xanh của các quốc gia trên thế giới và khu vực, đặc biệt là ở các thị trường lớn có tính dẫn dắt nền kinh tế toàn cầu như Trung Quốc, Mỹ, EU,...

- Nhà nước cần triển khai các cơ chế, chính sách vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính khuyến khích trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính.

- Mở rộng cơ hội tiếp cận các nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ phát thải thấp, tăng trưởng xanh cho

các doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế chính sách và hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính thông qua các cơ chế mới về biến đổi khí hậu như mua bán carbon, trao đổi tín chỉ carbon.

- Tổ chức và triển khai có hiệu quả Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến 2025, trong đó một số nhiệm vụ liên quan đến tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sẽ được triển khai bao gồm:

Tăng cường áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất công nghiệp, gắn sản xuất công nghiệp với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất công nghiệp; xây dựng danh mục các dự án, nhà máy sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và triển khai theo lộ trình thay thế và loại bỏ dần các thiết bị lạc hậu trong các nhà máy và đóng cửa các nhà máy gây ô nhiễm.

Bổ sung và hoàn thiện các chính sách về bảo vệ môi trường đối với một số ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xây dựng, điều chỉnh và thực hiện hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

Thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và năng lượng mới nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đảm bảo thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh, giảm thiểu biến đổi khí hậu và cung cấp đầy đủ năng lượng với giá hợp lý, làm động lực phát triển cho các ngành công nghiệp khác ■

Sau 3 năm thí điểm triển khai mô hình khu công nghiệp (KCN) sinh thái, 72 doanh nghiệp (DN) tại Việt Nam đã tiết kiệm được hơn 70 tỷ đồng nhờ tiết giảm được lượng chất thải ra môi trường.

THU CÚC - HỒNG GIANG

SẢN XUẤT SẠCH HƠN: Giải pháp xây dựng KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Giảm lượng chất thải, tiết kiệm hơn 70 tỷ đồng

Tính đến tháng 12/2017, Việt Nam có 326 KCN, khu chế xuất. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất công nghiệp đang gây ra nhiều thách thức đối với môi trường và sức khỏe con người. Hiện nay, 13% các KCN đang hoạt động chưa có nhà máy xử lý nước thải, 18% chất thải công nghiệp là chất thải nguy hại. Phần lớn các KCN sử dụng kém hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát thải bản và nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường sống của cộng đồng dân cư quanh KCN.

Chính vì vậy, việc xây dựng, hình thành mô hình KCN sinh thái là rất cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh của Chính phủ.

Theo đuổi Chiến lược xanh hướng đến sử dụng năng lượng hiệu quả hơn và giảm phát thải, năm 2014 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Dự án Triển khai sáng kiến KCN sinh thái hướng tới mô hình KCN bền vững tại Việt Nam” với tổng vốn viện trợ không hoàn lại trên 4,5 triệu USD từ Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) và Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) được thực hiện trong thời gian 2015-2018.

Dự án có mục đích chuyển đổi các KCN đang hoạt động thành KCN sinh thái, triển khai thí điểm tại 3 KCN của Ninh Bình, Đà Nẵng và Cần Thơ. Tại mỗi KCN thí điểm, các công ty phối hợp với

nhau và phối hợp với cộng đồng địa phương nhằm giảm tác động không tích cực tới môi trường và giảm chi phí sản xuất.

Tham gia dự án, DN được hỗ trợ đổi mới công nghệ theo quy trình hoàn thiện. Cụ thể: Đánh giá về sử dụng hiệu quả năng lượng, sản xuất sạch hơn và quản lý hóa chất; tư vấn và hỗ trợ lập hồ sơ vay vốn để đổi mới công nghệ theo quy định của tổ chức tín dụng; vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tài chính có cam kết tài trợ cho dự án và các tổ chức khác có liên quan; hoàn trả tối đa 35% giá trị khoản vay từ Quỹ Tín dụng xanh của SENCO và các quỹ khác của GEF.

Bên cạnh đó, cán bộ kỹ thuật của DN được tham gia các hoạt động đào tạo tăng cường năng lực trong khuôn khổ dự án như đào tạo về công nghệ sản xuất sạch hơn, về phương thức sản xuất...

Giảm tác động môi trường tiêu cực

Không chỉ đem lại lợi ích cho DN và hoạt động công nghiệp, dự án còn góp phần cải thiện hiệu quả tài nguyên, thông qua việc giảm sử dụng nguyên liệu thô, nước và năng lượng. Dự án làm giảm tác động môi trường tiêu cực của các KCN, cải thiện tình hình môi trường ở các vùng lân cận, cải thiện sức khỏe người lao động, cũng như chất lượng cuộc sống cho cộng đồng bằng việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Theo Vụ trưởng Vụ Kinh tế (Bộ KH&ĐT) Trần Duy Đồng, đây là dự án đa lĩnh vực công nghiệp đầu tiên của Việt

Nam được tài trợ bởi GEF cho các lĩnh vực như quản lý hóa chất, giảm biến đổi khí hậu và hợp tác quốc tế. Mặc dù còn nhiều rào cản, nhưng kết quả của Việt Nam đã được các tổ chức, quốc gia thành viên GEF đánh giá cao, đồng thời thể hiện chiến lược phát triển kinh tế bền vững.

Bà Trần Thanh Phương, Quản lý Dự án quốc gia về các KCN sinh thái cho biết: Chỉ sau 3 năm thí điểm triển khai mô hình KCN sinh thái, 72 DN tại các KCN ở Đà Nẵng, Cần Thơ và Ninh Bình đã tiết kiệm được hơn 70 tỷ đồng nhờ tiết giảm được lượng chất thải ra môi trường cũng như tận dụng hiệu quả tài nguyên để sản xuất sạch hơn và nâng cao năng lực cạnh tranh.

“Việt Nam đang dần chuyển sang mô hình mới về tăng trưởng và phát triển kinh tế dựa trên nền kinh tế tuần hoàn. KCN sinh thái là một mô hình của nền kinh tế tuần hoàn tức là hướng đến một nền kinh tế khép kín, đầu thải ra của một cá thể trong nền kinh tế này thì có thể được sử dụng cho một cá thể khác trong nền kinh tế, góp phần giảm thiểu chất thải ra môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế cho các hoạt động sản xuất trong KCN”, bà Trần Thanh Phương chia sẻ.

KCN Hòa Khánh (Đà Nẵng) là một thí điểm thành công của dự án chuyển đổi sang KCN sinh thái. Đánh giá sơ bộ của đoàn chuyên gia dự án đối với nhóm 8 DN đang hoạt động tại đây cho thấy, toàn bộ các công ty chọn thí điểm chuyển đổi đã tiết kiệm được năng lượng điện từ 5-10%, nước tiết kiệm

được 3-5%, giảm thải CO₂: 510,1 tấn/năm; COD: 95 kg/năm; Teq PCDD/F: 51,1 µg/năm

Theo ông Lê Hoàng Đức, Phó Trưởng ban Ban Quản lý KCN và chế xuất Đà Nẵng, 18 DN ở KCN Hòa Khánh đang thực hiện mô hình Cộng sinh công nghiệp với 6 giải pháp cộng sinh (nhiệt, nước, chất thải rắn). Các DN đã bước đầu thực hiện các bước của chu trình những thứ thải ra của DN này có thể làm nguyên liệu đầu vào cho DN kia, hoặc tận dụng nhiệt thừa, năng lượng thừa trong quá trình sản xuất của mình để chia sẻ cho DN "hàng xóm".

Là một trong 3 tỉnh, thành phố đầu tiên của cả nước được chọn tham gia dự án và thực hiện trong 5 năm từ năm 2014 đến hết tháng 6 năm 2019, đến nay, Ninh Bình đã thu được những kết quả bước đầu.

Ông Hoàng Đức Long - Giám đốc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

cho biết: Sau một thời gian triển khai thực hiện, đến nay Ninh Bình đã có 15 DN tại KCN Khánh Phú và KCN Gián Khẩu đã được chọn tham gia dự án theo 2 đợt, năm 2016 và năm 2017.

Đối với các doanh nghiệp tham gia đợt 1, sau hơn 1 năm áp dụng và duy trì các giải pháp mà đoàn chuyên gia khuyến nghị, các DN đã đạt được một số kết quả giúp tiết kiệm chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường như: Công ty Chanxin Việt Nam tại KCN Khánh Phú giảm 19,5% lượng điện năng tiêu thụ và 6,25% than nguyên liệu; Công ty Long Sơn KCN Khánh Phú giảm 5% nước, 2% điện năng tiêu thụ và giảm phát thải 5% chất thải nguy hại; Công ty Chia Chen giảm 50.880 kWh/năm điện năng và trên 1.000 m³ nước/năm...

Đối với các DN tham gia đợt 2, đoàn chuyên gia của dự án đã tổ chức khảo sát 3 đợt để đánh giá, nghiên cứu, đưa ra giải pháp về sử dụng hiệu quả tài

nguyên và sản xuất sạch hơn cho các DN tham gia, áp dụng. Các DN đã áp dụng 46 giải pháp đưa ra và lợi ích mang lại được thể hiện cụ thể: tiết kiệm điện 734.395 kWh/năm; tiết kiệm than 20,6 tấn/năm; giảm tiêu thụ nước 2.485 m³/năm. Ngoài ra còn có lợi ích về môi trường như giảm chất thải rắn, giảm nước thải, giảm thải CO₂, COD, hóa chất...

Với những hiệu quả đã đạt được, trong thời gian tới Ban quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình sẽ tiếp tục hỗ trợ, phối hợp với Ban quản lý dự án KCN sinh thái triển khai các hoạt động của dự án "Triển khai sáng kiến KCN sinh thái hướng tới mô hình KCN bền vững tại Việt Nam". Trong đó chú trọng đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức của DN tại các KCN về vai trò, hiệu quả của việc xây dựng KCN sinh thái, từ đó tự giác thực hiện và nâng cao hơn nữa hiệu quả, giá trị mà dự án mang lại ■

GEF6: Hướng đến nền kinh tế tuần hoàn để phát triển bền vững



Nền kinh tế tuần hoàn là một khái niệm được hiểu, thông qua một chu trình sản xuất khép kín các chất thải được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người.

Tại kỳ họp Đại hội đồng Quỹ môi trường toàn cầu lần thứ 6 (GEF6), ông Stephan Sicars - Giám đốc bộ phận Môi trường của Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) thông tin: Tài nguyên thiên nhiên đang ngày càng cạn kiệt, ô nhiễm môi trường ngày một trầm trọng. Đứng trước những thách thức to lớn này, nhiều quốc gia đã thay đổi chiến lược phát

triển, hướng đến một nền kinh tế sạch - nền kinh tế tuần hoàn để phát triển bền vững.

UNIDO xúc tiến thực hành kinh tế tuần hoàn và cung cấp các dịch vụ hướng đến chu trình khép kín dành cho sản xuất, sử dụng và thải bỏ sản phẩm đã qua sử dụng - từ khâu khai thác nguyên liệu thô, đến sản xuất, phân phối, sử dụng, quản lý chất thải cho đến khâu thải bỏ cuối cùng nhằm đảm bảo rằng các tài nguyên được sử dụng liên tục tuần hoàn là kết quả của các hoạt động sáng tạo.

Ông Nikunj K. Sundaray - Cục phó của Cơ quan Hợp tác quốc tế, Bộ Môi trường, Rừng và Biến đổi khí hậu Ấn Độ, cho rằng kế hoạch hành động quốc gia của Ấn Độ về biến đổi khí hậu kết hợp với các tiếp cận tuần hoàn cho phát triển công nghiệp xanh, bảo vệ môi trường và Nhiệm vụ Ấn Độ xanh tập trung vào các dịch vụ hệ sinh thái đa dạng, đặc biệt tập trung vào đa dạng sinh học, nước, sinh khối, bảo tồn rừng ngập mặn, vùng đất ngập nước, các khu vực cần chú ý đặc biệt...

Các tham luận đã đề cập rằng kinh tế tuần hoàn có mối liên hệ trực tiếp với các chương trình hỗ trợ bởi GEF, ví dụ như hoá chất xanh, khu công nghiệp sinh thái, công nghiệp cộng sinh và hiệu quả tài nguyên, và các thành phố bền vững. Một trong những lợi ích lớn nhất khi thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn là các nguồn lực được sử dụng hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Đây là vấn đề đang được các cấp, các ngành ở Việt Nam rất coi trọng và theo đuổi chiến lược phát triển bền vững dài hạn.

THANH HẢI

Đầu tư xanh sẽ tạo động lực TĂNG TRƯỞNG TRONG DÀI HẠN

Đại diện Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) khẳng định, đầu tư vào các ngành kinh tế, cơ sở hạ tầng, giao thông theo hướng giảm phát thải sẽ tạo động lực tăng trưởng trong dài hạn, thu hút được các nguồn vốn đầu tư tư nhân.

THẾ HOÀNG



Trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Bộ Công Thương phối hợp với Ban Thư ký APEC quốc tế tổ chức Đối thoại “Công – Tư APEC về Chính sách đầu tư xanh” trong 2 ngày 26-27/7/2018 tại Hà Nội.

Đầu tư xanh để có thể gạt hái thành quả về tăng trưởng xanh là đích đến của các nền kinh tế trong APEC, trong đó, việc huy động các nguồn lực đầu tư cho tăng trưởng xanh đang là nhu cầu cấp thiết để thúc đẩy quá trình thực hiện phát triển kinh tế xanh.

Nhận thức được tầm quan trọng của đầu tư xanh, giảm phát thải, tạo động lực đầu tư bền vững, Việt Nam đã đề xuất tổ chức Đối thoại “Công – Tư APEC về Chính sách đầu tư xanh” với mục tiêu thảo luận về các thông lệ thực hành tốt nhằm đưa ra khuyến nghị về các chính sách, sự hỗ trợ của các nền kinh tế APEC trong giai đoạn chuyển đổi phát triển sang phát triển kinh tế xanh, bền vững, tiết kiệm năng lượng, phát thải các bon thấp và giải quyết tình trạng biến đổi khí hậu.

Bà Geraldine Ang, Chuyên gia phân tích cao cấp thuộc OECD cho biết, việc đầu tư phát triển trong tất cả các ngành, lĩnh vực, nếu được lồng ghép với bảo vệ môi trường, giảm phát thải là một

hướng đi an toàn và dễ dàng thực hiện với các quốc gia, do cách đầu tư này chỉ làm tăng thêm 10% vốn đầu tư so với các dự án thông thường.

"Các nền kinh tế phát triển, đang phát triển cần có chính sách và hành động kịp thời để hướng tới sự phát triển phát thải các bon thấp, và giải quyết tình trạng biến đổi khí hậu. Đối với Việt Nam, Chính phủ cần có chính sách và khung pháp lý hỗ trợ ổn định hơn nữa để huy động các khoản đầu tư từ khu vực tư nhân và FDI", bà Geraldine Ang lưu ý.

Bà Phạm Quỳnh Mai, Phó vụ trưởng Vụ Thương mại Đa biên (Bộ Công Thương) khẳng định, phát triển bền vững với các dự án đầu tư xanh, giảm phát thải hiện là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Việt Nam. Nhưng, điểm nghẽn lớn nhất là nguồn vốn đầu tư để thực hiện các dự án đầu tư xanh, giảm phát thải trong tất cả các ngành sản xuất, từ năng lượng đến giao thông, nước, xây dựng...

Phần lớn các chuyên gia có mặt tại Diễn đàn đều cho rằng, để có thể triển khai nhiều hơn các dự án đầu tư theo hướng xanh, bền vững, Chính phủ Việt Nam cần có chính sách và khung pháp lý hỗ trợ ổn định hơn nữa để huy động các khoản đầu tư từ khu vực tư nhân.

Để hiệu quả, khu vực nhà nước và tư

nhân cùng nhau hợp tác trong các dự án cụ thể vì mục tiêu chung cho tăng trưởng xanh bền vững.

Chính sách đầu tư xanh đóng vai trò quan trọng và tác động đến nhiều yếu tố khác nhau như thiết lập mục tiêu và điều chỉnh chính sách và ưu đãi cho phát thải các bon thấp, giải quyết tình trạng biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên và xây dựng năng lực cho các nền kinh tế, thúc đẩy kinh doanh xanh và điều chỉnh hành vi người tiêu dùng.

Thực tế, thời gian qua, Việt Nam dù đã có những chính sách nhưng chưa đủ sức thúc đẩy các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư vào tăng trưởng xanh; các công cụ tài chính chưa linh hoạt, chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Trong nhiều năm gần đây, các Bộ trưởng APEC nhấn mạnh rằng, những hoạt động APEC trong thúc đẩy đầu tư bền vững sẽ bảo vệ sức khỏe con người và môi trường, khuyến khích đầu tư vào tăng trưởng xanh cũng như cải cách vì một nền kinh tế phát thải các bon thấp.

Tên cơ sở chỉ đạo của các Bộ trưởng APEC, hầu hết các nền kinh tế thành viên đã tích cực đầu tư vào tăng trưởng xanh, tuy nhiên, việc duy trì tốc độ tăng trưởng đòi hỏi nguồn tài chính lớn do chi phí ban đầu cao, đặc tính tập trung vốn cũng như các yếu tố pháp lý khác ■



NHÃN XANH

- Cách tiếp cận bền vững với người tiêu dùng

HẢI HÀ

Theo nghiên cứu của Trung tâm Thông tin Vibiz đưa ra tại Hội nghị “Doanh nghiệp thực hiện an sinh xã hội và tăng trưởng xanh” vừa tổ chức tại Hà Nội cho thấy, 70% doanh nghiệp chưa biết tới chứng nhận xanh Việt Nam, 51,3% doanh nghiệp không quan tâm đến biến đổi khí hậu, 62% doanh nghiệp không sẵn lòng đầu tư cho sản phẩm xanh.

Những con số này của Vibiz cũng thể hiện, doanh nghiệp đang đi ngược với xu thế tiêu dùng của người tiêu dùng.

Cụ thể, nghiên cứu của Vibiz năm 2017 trên 12.000 người tiêu dùng cho thấy, có tới 73,5% người dùng quan tâm tới các yếu tố về môi trường, 80% sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn để sử dụng các sản phẩm sạch, 84,5% ưu tiên sử dụng sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ và 91,2% chi tiêu nhiều hơn cho sản phẩm có chất lượng cao.

Nói rõ hơn về hành vi của người tiêu dùng, ông Trần Nhật Tân - Phó phòng nghiên cứu Trung tâm Vibiz cho biết, khoảng 78% người tiêu dùng sẽ đọc thông tin trên bao bì sản phẩm trước khi mua, 85% người Việt tra cứu thông tin sản phẩm trên internet và 63,2% tin rằng các sản phẩm từ siêu thị và cửa hàng sạch hơn ở các chợ truyền thống. Riêng với các sản phẩm hữu cơ, tỷ lệ nam giới tin vào chữ organic chiếm tới 52,1%, trong khi nữ giới chiếm tới 74,5%.

Ông Tân cho rằng, xu thế mua sắm tại siêu thị và cửa hàng cũng là lý do khiến tốc độ tăng trưởng của hàng tiện lợi và siêu thị mini của Việt Nam thời gian qua đạt mức 200% với số cửa hàng hiện có

vào khoảng 1.600 cửa hàng.

Mặc dù có tốc độ tăng trưởng lớn như vậy nhưng ông Tân cũng cho biết, thị trường bán lẻ sẽ còn tiếp tục phát triển khi thị phần kênh bán lẻ hiện đại của Việt Nam mới dừng ở con số 25% trong khi các nước khác như Philipine, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia và Singapore lần lượt là 33%, 34%, 51%, 60% và 90%.

“Như vậy, để cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường, các doanh nghiệp phải tính tới sản xuất những sản phẩm thân thiện môi trường. Xu thế này đã được các tập đoàn lớn trên thế giới thay đổi từ sản phẩm, vùng trồng nguyên liệu, bao bì, thương hiệu tới chuỗi cung ứng”, ông Tân nói.

Nhìn vào các khía cạnh khác nhau về

tăng trưởng xanh, ông Phạm Hoàng Mai - Vụ Khoa học Giáo dục Tài nguyên và Môi trường (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) khẳng định, tăng trưởng xanh cấu thành bởi 3 yếu tố gồm xanh hóa sản xuất, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và xanh hóa tiêu dùng.

Nhưng ông Mai cũng chỉ ra một thực tế là với mục tiêu giảm phát thải 10-12% mỗi năm, Việt Nam sẽ cần tới 30 tỷ USD để thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh vào năm 2020 và 2/3 số vốn này cần sự đóng góp từ khu vực tư nhân trong các ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, xi măng, giấy, phát điện, thép, năng lượng, nông nghiệp...

Nhìn từ thực tế, ông Mai cho rằng, số tiền doanh nghiệp đầu tư cho những khía cạnh theo hướng tăng trưởng

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN NHÃN XANH VIỆT NAM BAO GỒM:

Đơn đề nghị;

Báo cáo hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp đề nghị;

Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 (bản sao có chứng thực);

Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001:2004 (bản sao có chứng thực) hoặc tiêu chuẩn tương đương;

Báo cáo đánh giá sản phẩm đáp ứng tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam kèm theo kết quả thử nghiệm do Tổ chức thử nghiệm cấp;

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa (sao y bản chính);

Kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm (bản chụp hoặc vẽ, kích thước 21cm x 29cm).

Thủ tục đăng ký, biểu mẫu chi tiết cho việc chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam được công bố tại trang thông tin điện tử <http://vea.gov.vn/khoahoccongnghenhanxanh> của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường (chuyên mục Nhãn xanh Việt Nam).

Quyết định chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam có thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. Sau khi có Quyết định này, doanh nghiệp phải gắn cho sản phẩm đã được chứng nhận và định kỳ báo cáo số lượng sản phẩm đã được gắn nhãn cho Tổng cục Môi trường.

xanh chỉ chiếm 30-40% nhu cầu.

Để minh họa cho nhận định này, ông Mai lấy dẫn chứng, chi phí đầu tư thực hiện giai đoạn 2010-2015 ở các ngành thép, xi măng, giấy và bột giấy, mía đường lần lượt là 170 triệu USD, 227 triệu USD, 119 triệu USD, 127 triệu USD trong khi tổng nhu cầu đầu tư của các ngành này theo hướng xanh hóa lần lượt là 450 triệu USD, 650 triệu USD, 306 triệu USD và 324 triệu USD.

"Số chi phí các doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất theo hướng xanh của các ngành trên chỉ đạt 643 triệu USD trên tổng nhu cầu là 1.730 triệu USD. Câu hỏi đặt ra là tại sao tiềm năng nhiều nhưng các doanh nghiệp không mặn mà với vấn đề này, mặc dù nhiều chính

sách đã lồng ghép trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, nhiều dự án được thúc đẩy trong khu vực công tư, nhiều chính sách đã được hoàn thiện. Câu trả lời có thể do chính sách chưa đủ thúc đẩy doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư và cách tiếp cận từ trên xuống đang gây hạn chế sự tích cực của doanh nghiệp đi cùng những công cụ tài chính chưa linh hoạt", ông Mai nói.

Ông Mai cũng lấy ví dụ, kết quả sau thời điểm Ngân hàng Nhà nước ra chỉ thị 03/CT-NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng thì dư nợ tín dụng xanh đã tăng từ 84,789 tỷ từ tháng 9/2016 lên 109,7 tỷ vào tháng 6/2017. Trong

khi đó, dư nợ tín dụng cho các dự án có đánh giá rủi ro môi trường và xã hội tăng từ 129,160 tỷ tháng 9/2016 lên 449,5 tỷ vào tháng 6/2017.

"Thực tế này cho thấy, các công cụ tài chính đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp sẽ thúc đẩy tăng trưởng xanh phát triển. Đi cùng việc điều chỉnh chính sách mua sắm công, tạo nhu cầu đầu tư tăng trưởng xanh, chúng tôi sẽ tổ chức nhiều cuộc đối thoại công tư về vấn đề này, lắng nghe xem doanh nghiệp cần gì để Nhà nước có hướng hỗ trợ từ lãi suất, xây dựng mô hình điểm nhân rộng hay hỗ trợ đào tạo nhân lực... để doanh nghiệp có lực hơn trong chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh", ông Mai nhấn mạnh ■

Việt Nam ưu tiên phát triển thiết bị điện, thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo

Đó là một trong những nội dung được Thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Thắng Hải cho biết trong buổi khai mạc "Triển lãm quốc tế lần thứ 11 về Công nghệ & Thiết bị điện - Vietnam ETE 2018 và Hội chợ Triển lãm quốc tế lần thứ 8 công nghệ, sản phẩm tiết kiệm năng lượng và Năng lượng xanh - Enertec Expo 2018" tổ chức ngày 18-21/7/2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phát biểu tại buổi khai mạc, Thứ trưởng Bộ Công Thương - Đỗ Thắng Hải cho biết, nền kinh tế Việt Nam đang có đà tăng trưởng tốt, GDP năm 2017 đạt 6,81%, GDP 6 tháng đầu năm 2018 tăng 7,08% so cùng kỳ năm trước, được đánh giá cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Theo Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 598/QĐ-TTg, ngày 25/5/2018), Việt Nam sẽ đẩy mạnh phát triển các sản phẩm cơ khí, ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực như thiết bị công nghiệp, thiết bị điện đồng thời thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và năng lượng mới nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đảm bảo thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh, giảm thiểu biến đổi khí hậu và cung cấp đầy đủ năng lượng với giá hợp lý, làm động lực phát triển cho các ngành công nghiệp khác. "Đây là những tín hiệu thuận lợi để ngành Thiết bị Điện và Năng lượng xanh đạt được sự phát triển mạnh mẽ", Thứ trưởng Đỗ Thắng Hải cho biết thêm.

Cũng theo Thứ trưởng Đỗ Thắng Hải, mặc dù hiện nay, các doanh nghiệp ngành cơ khí của Việt Nam đã sản xuất đáp ứng được khoảng 90% các phụ kiện, thiết bị chính cho lưới điện. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực công nghệ, thiết bị điện và các sản



phẩm tiết kiệm năng lượng thì năng lực sản xuất trong nước chưa tương xứng với tiềm năng phát triển. Với việc tăng cường đầu tư, đổi mới khoa học công nghệ, các doanh nghiệp ngành thiết bị điện, ngành năng lượng Việt Nam đã và đang đạt nhiều tiến bộ, cung ứng ra thị trường nhiều sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước mà còn từng bước đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu.

Tại triển lãm, Thứ trưởng Đỗ Thắng Hải đánh giá cao nỗ lực của Ban tổ chức triển lãm - Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty C.I.S Việt Nam, cùng các cơ quan liên quan trong việc tổ chức triển lãm, góp phần thúc đẩy phát triển ngành thiết bị điện, ngành năng lượng Việt Nam ngày càng lớn mạnh.

NHẬT THU

NGÀNH CÔNG THƯƠNG

CHỦ ĐỘNG

ỨNG PHÓ

với biến đổi khí hậu

Th.S NGUYỄN QUANG HUY

Thư ký Văn phòng Biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh Bộ Công Thương

Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu

Về mặt khoa học, biến đổi khí hậu trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai, bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Thời gian gần đây, biến đổi khí hậu trái đất được xem xét là quá trình “nóng lên toàn cầu” và quá trình tự nhiên này được xác định nguyên nhân là sự có mặt của các khí gây hiệu ứng nhà kính ngày càng nhiều làm gia tăng hiện tượng hiệu ứng nhà kính khí quyển Trái đất. Các chất, khí gây hiệu ứng nhà kính bao gồm hơi nước, CO₂, N₂O, CH₄, O₃, SF₆, HFCs và PFCs trong thành phần của khí quyển có khả năng hấp thụ bức xạ nhiệt từ Trái đất làm cho nhiệt độ khí quyển Trái đất tăng lên.

Nguyên nhân tự nhiên của quá trình nóng lên toàn cầu được xem là quá trình vận động tự nhiên của Trái đất trong hệ Mặt trời và đang trong thời kỳ băng tan kéo dài hàng triệu năm (quá trình khí quyển bề mặt Trái đất nóng dần lên). Nguyên nhân nhân tạo được xác định do sự

gia tăng các hoạt động tạo ra các chất thải khí nhà kính gồm đốt cháy nhiên liệu hoá thạch trong hoạt động công nghiệp, năng lượng, giao thông,... các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính như sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển, ven bờ và đất liền khác... Đặc biệt, dưới các tác động, nguyên nhân biến đổi khí hậu từ con người đã làm cho quá trình nóng lên toàn cầu tự nhiên trở nên nhanh hơn bao giờ hết và đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong Thế kỷ 21, trong đó Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề nhất do biến đổi khí hậu gây ra.

Biến đổi khí hậu được biểu hiện qua việc dịch chuyển của các đới khí hậu, gia tăng các hình thái thời tiết cực đoan, thay đổi các dòng hải lưu và gây các tác động như gia tăng nhiệt độ khí quyển trái đất, thay đổi thành phần, chất lượng không khí, gây tan băng, dâng cao mực nước biển, ngập lụt, gây tác động đến các chu trình sinh địa hoá, cấu trúc và chức năng của nhiều hệ sinh thái, ảnh hưởng đến an ninh lương thực và nghèo đói, an ninh năng lượng, nguồn nước và

thương mại toàn cầu...

Ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu được xác định thực hiện đồng thời hai giải pháp là Thích ứng và Giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Thích ứng là quá trình điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc hoạt động của con người cho phù hợp với hoàn cảnh, môi trường thay đổi nhằm giảm khả năng tổn thương do biến đổi khí hậu hoặc tận dụng cơ hội do nó mang lại. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu là các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua giảm sử dụng đốt các dạng nhiên liệu hoá thạch trong các nền kinh tế (dầu mỏ, than, khí đốt,...), gia tăng các bể hấp thụ, lưu giữ khí thải gây hiệu ứng nhà kính vào bầu khí quyển (trồng rừng, công nghệ thu và giữ các-bon (CCS)...).

Giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong hoạt động công nghiệp và năng lượng

Như chúng ta đều biết, việc giảm phát thải khí nhà kính thông qua giảm sử dụng nhiên liệu hoá thạch của nền kinh tế chính là việc giảm nhu cầu sử dụng năng lượng hoặc chuyển đổi nguồn cung cấp năng lượng từ hoá thạch (than đá, dầu mỏ, khí đốt) sang các năng lượng tái tạo khác.



Giảm nhu cầu sử dụng năng lượng chính là hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đây được xem là giải pháp quan trọng nhất với chi phí thấp nhất và đem lại hiệu quả cao nhất đối với bất kỳ quốc gia nào. Tất cả các giải pháp sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, trong đó chủ yếu là năng lượng điện đều có thể triển khai tại tất cả các quá trình công nghiệp, công trình xây dựng, hoạt động giao thông và sinh hoạt tại các hộ gia đình,... từ đó góp phần giảm nhu cầu điện, năng lượng chủ yếu có nguồn gốc từ hoá thạch hiện nay (điện sản xuất từ than đá, dầu mỏ, khí thiên nhiên). Trong lĩnh vực công nghiệp, các giải pháp về cải tiến thiết bị nâng cao hiệu suất, thay đổi quy trình vận hành đều hướng tới việc sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, đây chính là mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp mà chúng ta đang tích cực triển khai.

Chuyển đổi nguồn cung cấp năng lượng từ hoá thạch sang các dạng năng lượng tái tạo là việc phát triển, sử dụng các dạng năng lượng được coi là không phát thải khí nhà kính như thủy điện, năng lượng mặt trời, điện gió, sinh khối, khí sinh học, địa nhiệt, thủy triều, điện từ rác thải và năng lượng hạt nhân... Việc gia tăng tỷ lệ đóng góp sản lượng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng

lượng của mỗi quốc gia sẽ làm giảm tỷ lệ năng lượng hoá thạch tương ứng trong điều kiện tổng nhu cầu không đổi.

Ngành Công Thương thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu của Việt Nam

Trước hiện trạng và nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu đến sự phát triển bền vững của tất cả quốc gia, từ năm 1990 đến nay, cộng đồng quốc tế đã có nhiều nỗ lực nhằm hợp tác, hỗ trợ các quốc gia có thể thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và cùng nhau giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hướng tới mục tiêu kỳ vọng giữ cho nhiệt độ khí quyển Trái đất tăng không quá 2oC vào cuối thế kỷ này. Trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Nghị định thư Kyoto là văn bản pháp lý quan trọng nhất với sự cam kết cắt giảm phát thải khí nhà kính của các quốc gia phát triển trong 2 giai đoạn, giai đoạn I từ năm 2005-2012 và giai đoạn II từ năm 2013-2020. Với mức cam kết cắt giảm phát thải khí nhà kính định lượng so với năm 1990 của giai đoạn I là trên 5% và giai đoạn II là trên 18% các Bên đã tích thực hiện thông qua ba cơ chế hỗ trợ là: Cơ chế đồng thực hiện (JI); Cơ chế phát triển sạch (CDM); và Cơ chế mua bán phát thải quốc tế (ET).

Trong bối cảnh Nghị định thư Kyoto sẽ hết hạn vào năm 2020 và thực hiện

nguyên tắc “trách nhiệm chung” của Công ước, tại Hội nghị lần thứ 21 các Bên tham gia Công ước năm 2015 tại Paris (COP21), tất cả 196 Bên đã đạt được sự đồng thuận cho một văn bản pháp lý toàn cầu về cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu của tất cả các quốc gia cho giai đoạn từ 2021-2030: “Thoả thuận Paris về biến đổi khí hậu”. Sau khi ký Thoả thuận Paris ngày 22 tháng 4 năm 2016, Chính phủ Việt Nam đã chính thức phê duyệt tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2016. Tham gia Thoả thuận Paris, Việt Nam cam kết thực hiện đồng thời hai giải pháp về thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu theo Báo cáo Đóng góp quốc gia tự thực hiện (NDC) của Việt Nam gửi Ban Thư ký UNFCCC năm 2015, trong đó về mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Việt Nam đã cam kết tự thực hiện giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát thải thông thường (BAU) vào trong giai đoạn 2021 – 2030 và có thể đạt 25% khi nhận được thêm nguồn lực hỗ trợ đầy đủ từ cộng đồng quốc tế.

Theo tính toán, với mức đóng góp chính phát thải khí nhà kính của lĩnh vực công nghiệp và năng lượng và theo dự kiến đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính 8% của quốc gia thực hiện NDC, lĩnh vực năng lượng sẽ thực hiện 11 giải pháp chi phí thấp (8 giải

pháp về sử dụng năng lượng hiệu quả và 3 giải pháp về sử dụng năng lượng tái tạo) để đạt được mức đóng góp giảm 4,4%/8% và sẵn sàng thực hiện 6 giải pháp chi phí cao (1 giải pháp về sử dụng năng lượng hiệu quả và 5 giải pháp về sử dụng năng lượng tái tạo) để đóng góp giảm thêm đạt 9,8%/25%. Như vậy có thể thấy trong 17 giải pháp giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam, có đến 8 giải pháp về sử dụng năng lượng hiệu quả là ưu tiên hàng đầu để tự thực hiện, các giải pháp về phát triển năng lượng tái tạo với chi phí cao vẫn cần sự hỗ trợ lớn từ cộng đồng quốc tế.

Để triển khai các mục tiêu về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong các hoạt động công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam, Bộ Công Thương đã thành lập Ban Chỉ đạo về Ứng phó với biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh do Bộ trưởng Trần Tuấn Anh làm Trưởng ban, Thứ trưởng Hoàng Quốc Vương làm Phó trưởng ban, Thành viên có sự tham gia chủ chốt của 2 đơn vị là Vụ Tiết kiệm

năng lượng và Phát triển bền vững – Là cơ quan trưởng trực của Ban Chỉ đạo và Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo. Đây là hai đơn vị chủ trì cho việc triển khai các chính sách, thực hiện các giải pháp về sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam.

Trên cơ sở Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010, hệ thống các văn bản hướng dẫn, quy định như việc áp dụng dán nhãn tiết kiệm năng lượng cho các thiết bị tiêu thụ năng lượng, quy định về định mức tiêu hao năng lượng tối thiểu và lộ trình áp dụng cho một số ngành sử dụng năng lượng lớn... về cơ bản đã được xây dựng hoàn chỉnh. Các hoạt động hỗ trợ như thông tin, tuyên truyền, đào tạo tập huấn cán bộ quản lý năng lượng hiệu quả... đều được triển khai thường xuyên và đem lại nhiều kết quả cụ thể và thiết thực.

Triển khai Chiến lược phát triển năng lượng, Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo và Quy hoạch phát triển

điện lực đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Việt Nam, thời gian qua Bộ Công Thương đã xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển các dạng năng lượng tái tạo như điện gió, điện từ mặt trời, điện từ sinh khối và điện từ chất thải rắn với các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi khá đầy đủ. Tuy nhiên, với bản chất về chi phí giá đầu tư cao và các mặt hạn chế về kỹ thuật của các dạng năng lượng này nên kết quả đạt được vẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng.

Như vậy có thể khẳng định, Bộ Công Thương hiện đang là cơ quan được Chính phủ giao triển khai 2 giải pháp quan trọng nhất góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và công nghiệp của Việt Nam, đó là sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo. Trong thời gian tới, các chính sách hỗ trợ thực thi hai giải pháp này sẽ được Bộ Công Thương tiếp tục quan tâm, chú trọng xây dựng và áp dụng nhằm thực hiện các cam kết của Quốc gia theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu ■

TIỀN GIANG:

Hỗ trợ tư vấn đánh giá SXSH cho doanh nghiệp

Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang đã ra chỉ thị số 1125/SCT-KTMT nhằm thực hiện công tác hỗ trợ tư vấn đánh giá sản xuất sạch hơn (SXSH) cho các doanh nghiệp sản xuất, đồng thời giúp doanh nghiệp giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu đầu vào và giảm ô nhiễm môi trường.

Sở Công Thương tỉnh đã hỗ trợ 50% kinh phí tư vấn đánh giá SXSH. Nguồn kinh phí để thực hiện các giải pháp SXSH sẽ do doanh nghiệp chủ động triển khai hoặc liên hệ với Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp Tiền Giang để được hỗ trợ kinh phí.

Mục tiêu của tỉnh đến năm 2020 là: 90% cơ sở sản xuất công nghiệp nhận thức được lợi ích của việc áp dụng SXSH trong công nghiệp, 50% cơ sở sản xuất công nghiệp có tiềm năng tiến hành áp dụng SXSH và tiết kiệm được từ 8-13% mức tiêu thụ năng lượng, nguyên nhiên liệu trên đơn vị sản phẩm và 90% doanh nghiệp vừa và lớn có bộ phận chuyên trách về SXSH.

Để thực hiện được mục tiêu này, trong năm 2018, Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang sẽ tiến hành khảo sát sơ bộ quá trình sản xuất và đánh giá hiện trạng môi trường cơ sở tại doanh nghiệp. Tiếp đó, đơn vị hỗ trợ tư vấn do Sở

Công Thương ủy quyền sẽ thiết lập hệ thống quan trắc số liệu và xây dựng các định mức tiêu thụ nguyên nhiên liệu cho doanh nghiệp, đồng thời định lượng chi phí đầu vào (nguyên vật liệu thô, năng lượng, nước...) và đầu ra (phụ phẩm phát thải liên quan và tải lượng ô nhiễm). Từ những thông tin trên, đơn vị phụ trách tư vấn sẽ thảo luận với doanh nghiệp về những tồn tại cần cải thiện trong toàn bộ quy trình sản xuất, phân tích về nguồn phát của các dòng thải để tìm ra tiềm năng áp dụng SXSH và đề xuất các giải pháp tương ứng.

Theo quyết định 1991/QĐ-UBND, chậm nhất ngày 20/12/2018, các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 sẽ phải lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp, đồng thời đề xuất nội dung thực hiện của năm kế tiếp gửi về Sở Công Thương. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có thể phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Văn phòng SXSH và SXTĐBV

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: Doanh nghiệp chú trọng SẢN XUẤT SẠCH

Công nghiệp TP. HCM luôn có mức tăng trưởng cao, ổn định trên 6%/năm. Trong phát triển công nghiệp, thành phố luôn chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ mũi nhọn như cơ khí, điện tử, chế biến nông lâm thủy sản...

CAO THẮNG



Không chỉ thế, TP. HCM còn đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp (DN) thực hiện sản xuất xanh, sạch, áp dụng 5S để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong thời kỳ hội nhập, đồng thời, cũng là để DN nâng cao sức cạnh tranh.

Xu hướng tất yếu

Hiện nay, tại một số DN công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn TPHCM, ngoài việc cải tiến quy trình kỹ thuật, hệ thống máy móc, hoàn thiện các tiêu chuẩn trong sản xuất để giảm tỷ lệ lỗi và chi phí... thì việc xây dựng cảnh quan môi trường sản xuất sạch, quan tâm hơn đến nhiệt độ, ánh sáng, nguyên liệu đầu vào cũng được các DN đặc biệt chú trọng.

Hiện Chính phủ, các bộ ngành cũng đã ban hành nhiều chương trình hành động nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, năng lượng... và mọi khâu sản xuất công nghiệp đều được khuyến khích áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn. Nhà nước cũng đã có một số

chính sách, công cụ nhằm khuyến khích như xây dựng các quy định mang tính pháp lý, thiết lập các công cụ kinh tế, đưa ra các biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng dự án sản xuất sạch hơn cho DN... Đây là những lợi thế để DN tiến tới sử dụng nhiều mô hình sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, chất lượng sản phẩm.

Chia sẻ về vấn đề này, ông Nguyễn Văn Trí - Giám đốc Công ty TNHH Lập Phúc (quận 7), cho biết Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp. Không chỉ giúp DN giảm chi phí mà còn tạo ra môi trường làm việc thoải mái cho người lao động, từ đó năng suất lao động tăng cao hơn. Công ty đã và đang xây dựng các nhà xưởng cao tầng đạt tiêu chuẩn, thiết kế tận dụng hướng gió và ánh sáng để hạn chế sử dụng điện năng. Đối với nhà xưởng hay văn phòng làm việc, môi trường lúc nào cũng phải xanh, sạch. Đặc biệt, đối với nguyên liệu thép nhập về để chế tạo khuôn mẫu, Công ty luôn tính toán đến

độ chính xác nhất để giảm lượng dư thừa gây lãng phí, tốn kém.

Trong khi đó, chen chân được vào chuỗi cung ứng toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia lại là chuyện dài hơi và rất vất vả của các DN công nghiệp hỗ trợ Việt Nam. Không chỉ đảm bảo chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, quản trị, thời gian giao hàng... các DN còn phải đáp ứng được các tiêu chí về môi trường làm việc. Đối với nhà xưởng, văn phòng làm việc yêu cầu độ ồn không quá lớn, độ sáng phải phù hợp, các yêu cầu về vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy cũng phải được chú trọng.

Đại diện Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ thương mại Tiến Thịnh (Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi), cho biết, Công ty đã được Samsung chọn là đối tác cung ứng chính sản phẩm lõi thép điện tử cho Samsung. Để có thể trở thành nhà cung ứng cho Samsung, Công ty đã tích cực thực hiện chương trình cải tiến kỹ thuật; trong đó tập trung vào việc thiết lập tiêu chuẩn

quản lý thiết bị, nâng cao năng suất thiết bị và hạn chế lãng phí trong các công đoạn sản xuất. Công ty đã thực hiện 110 cải tiến và đầu tư thành công, góp phần giảm phế phẩm, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu hàng năm khoảng 150.000 USD. Đặc biệt, từ khi thực hiện cải tiến đến nay đã giảm được sản phẩm tồn kho rất nhiều, góp phần tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Đồng hành hỗ trợ DN

Theo nhiều ý kiến, áp dụng sản xuất xanh, sạch sẽ mang lại cho DN rất nhiều lợi ích như cải thiện hiệu suất sản xuất; sử dụng nguyên liệu, nước, năng lượng có hiệu quả hơn; tái sử dụng phần bán thành phẩm có giá trị; giảm ô nhiễm; giảm chi phí xử lý và thải bỏ chất thải rắn, nước thải, khí thải; tạo nên hình ảnh về một DN xanh; cải thiện sức khỏe nghề nghiệp và an toàn. Tuy nhiên, các DN quy mô vừa và nhỏ hay siêu nhỏ còn gặp nhiều khó khăn về tài chính để có thể áp dụng thành công các mô hình sản xuất

xanh; trở ngại về trình độ vận hành, điều chỉnh hệ thống máy móc, công nghệ nên để giúp các DN mạnh dạn đầu tư và dễ dàng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, rất cần những giải pháp hỗ trợ thiết thực của Nhà nước như vốn tín dụng, cơ chế ưu đãi về lãi suất, thời hạn cho vay... dành cho những DN, dự án đầu tư công nghệ sản xuất xanh, sạch, thân thiện với môi trường.

Bà Lê Nguyễn Duy Oanh - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển hỗ trợ công nghiệp TPHCM, cho biết cùng với quá trình hội nhập quốc tế, sản xuất xanh, sạch đã trở thành một trong những xu thế, chiến lược quan trọng của ngành công nghiệp các nước trên thế giới, hướng tới mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm bằng cách sử dụng tài nguyên, nguyên vật liệu và năng lượng một cách có hiệu quả nhất.

Đi theo xu hướng này, trong kế hoạch tăng trưởng xanh, TPHCM đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, đó là giảm

cường độ phát thải khí nhà kính và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất thông qua việc tập trung đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ DN công nghiệp, công nghiệp chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần tỷ trọng các ngành thâm dụng lao động, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức, công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, công nghiệp phục vụ nông thôn... thúc đẩy tiêu dùng bền vững và xây dựng lối sống xanh thông qua việc hướng dẫn người tiêu dùng thay đổi quan niệm tiêu dùng, lối sống lành mạnh, chú trọng bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; khuyến khích người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm xanh có lợi cho sức khỏe cộng đồng.

Khi các DN thực hiện sản xuất xanh, sạch sẽ là yếu tố quan trọng để thành phố xét hồ sơ cho vay vốn ưu đãi theo chương trình kích cầu của thành phố ■

BÌNH PHƯỚC:

Nghiem thu đề tài SXSH trong chế biến hạt điều



PGS.TS. Tôn Thất Lăng, chủ nhiệm đề tài đang thuyết minh tại cuộc họp Hội đồng nghiệm thu đề tài

Ngày 18/7, Hội đồng khoa học tỉnh Bình Phước đã tổ chức nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ yếu áp dụng SXSH trong chế biến hạt điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước".

Theo kết quả khảo sát của đề tài, các nhà máy chế biến hạt điều trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu sử dụng công nghệ hấp, chỉ một số ít nhà máy sử dụng công nghệ chao dầu từ hạt thô. Hầu hết các nhà máy đều sử dụng máy móc, thiết bị tự động hóa để thực hiện các công

đoạn sản xuất. Nguyên liệu hạt điều thô thu mua trên địa bàn tỉnh sẽ cho tỷ lệ 1kg nhân tương đương 4kg hạt thô, nguyên liệu nhập khẩu có tỷ lệ tương đương là 1kg bằng 5kg hạt thô.

Việc đổi mới công nghệ trong hệ thống xông trùng giúp các doanh nghiệp không còn sử dụng thuốc xông trùng. Nhu cầu sử dụng điện và nước để sản xuất 1 tấn sản phẩm sau SXSH đều giảm so với trước. Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy, các nhà máy chế biến hạt điều trên địa bàn tỉnh có nhiều cơ hội áp dụng các giải pháp SXSH vào quy trình sản xuất nhằm tiết kiệm lượng nguyên liệu đầu vào, tạo ra thành phẩm tốt hơn và hạn chế phát thải các chất thải gây ô nhiễm môi trường. Việc theo dõi nguồn nước, chế độ đốt lò hơi, điều chỉnh hệ số không khí thừa của lò hơi rất dễ thực hiện, đồng thời giúp nhà máy tiết kiệm được nguyên, nhiên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất. Các nhà máy chế biến hạt điều đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải, nước thải trong quá trình sản xuất sẽ góp phần rất lớn trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đề tài được Hội đồng khoa học tỉnh thống nhất thông qua với 7/7 phiếu tán thành.

ĐỒNG KIỂM

Mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng của Hải Phòng được thể hiện rất rõ ràng trong chính sách thu hút đầu tư cũng như dịch chuyển tỷ trọng đóng góp của các ngành kinh tế. Và nhờ đó đã có nhiều tập đoàn lớn, doanh nghiệp mạnh trong và ngoài nước với công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, đến đầu tư tại thành phố cảng.

Theo báo cáo của UBND TP. Hải Phòng, năm 2017 tổng thu ngân sách Thành phố tăng 11,2%, trong đó thu nội địa đạt trên 21.500 tỷ tăng 26,22% vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội 15 Đảng bộ Thành phố trước 3 năm. Điều này minh chứng cho môi trường đầu tư kinh doanh Hải Phòng tiếp tục được cải thiện. Nền kinh tế Thành phố có sự chuyển dịch cơ cấu một cách mạnh mẽ và đang chuyển dần sang tăng trưởng hài hoà giữa chiều rộng và chiều sâu. Theo đó đã có nhiều tập đoàn lớn, doanh nghiệp mạnh trong và ngoài nước với công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, đến đầu tư tại Hải phòng

Phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường đã thành phương châm phát triển của thành phố này. Mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính được Hải Phòng hết sức quan tâm và luôn gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế của Thành phố.

Với sự sát sao chỉ đạo của Sở Công Thương, đã có rất nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng được thực hiện trong lĩnh vực chiếu sáng, trong giao thông, trong sản xuất công nghiệp và trong sinh hoạt... Theo ông Đào Sỹ Thanh – Giám đốc Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn Hải Phòng, thì trong thời gian tới các giải pháp tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn sẽ được thực hiện triệt để hơn nhằm đưa mục tiêu thành phố cảng xanh, văn minh hiện đại sớm trở thành hiện thực. Đây là một trong những tiêu chí hết sức quan trọng trong phát triển bền vững và thu hút đầu tư của TP. Hải Phòng.

HẢI PHÒNG TRƯỚC MỤC TIÊU xây dựng thành phố các bon thấp

Tuy nhiên, từ thực trạng sử dụng năng lượng của Hải Phòng, ông Thanh cho rằng, để biến nhận thức và tư duy trở thành hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế một cách bền vững thì rất cần đến những giải pháp kinh tế đó là những cơ chế chính sách phù hợp, đồng bộ và kịp thời làm đòn bẩy cho các doanh nghiệp phát triển. Trong đó sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là mấu chốt. Ông Thanh cũng hy vọng rằng, Hải Phòng có thể tiếp cận nguồn vốn 158 triệu USD từ “Dự án tiết kiệm năng lượng cho ngành Công nghiệp tại Việt Nam” do Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới triển khai xây dựng, đã được khởi động từ 3/2018, kéo dài tới tháng 7/2022 nhằm thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng trên địa bàn TP. Hải Phòng.

Qua hoạt động kiểm toán năng lượng của Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn Hải Phòng cho các doanh nghiệp, ông Thanh cho biết, bên cạnh việc nhiều doanh nghiệp còn sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, thì hạn chế lớn nhất của hầu hết doanh nghiệp trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là khâu quản lý kĩ thuật. Doanh nghiệp không quan tâm đến quản lý nội vi, không quan tâm bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị tiêu thụ năng lượng một cách thường xuyên và có kế hoạch để giảm sự cố máy, dẫn đến hoạt động kém hiệu quả, năng suất thấp. Khi cường độ sử dụng năng lượng của doanh nghiệp cao thì sức cạnh tranh của doanh nghiệp sẽ kém và rất kém. Trong khi quản lý nội vi và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên máy móc thiết bị là giải pháp hết sức hiệu quả vì suất đầu tư thấp, thời gian thu hồi vốn chỉ trên dưới 1 năm.

“Điều đó đồng nghĩa với việc nếu doanh nghiệp không chủ động, tích cực trong việc thay đổi, cải tiến công nghệ sao cho giảm cường độ sử dụng năng lượng

tới mức hiệu quả thì sẽ không thể hội nhập kinh tế quốc tế được và như vậy sẽ đồng nghĩa với việc phá sản trong tương lai gần nhất” - ông Thanh nhấn mạnh

Với mục tiêu trở thành một thành phố các bon thấp thì một lĩnh vực khác, theo ông Thanh cũng có thể tiết kiệm được nhiều năng lượng là giao thông vận tải. Nếu Hải Phòng phát triển tốt hơn các phương tiện công cộng, giảm thiểu phương tiện cá nhân thì có thể đạt mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính ra môi trường.

Và để làm được việc này thì công tác quy hoạch phát triển đô thị cần gắn chặt phát triển giao thông đường bộ với giao thông đường thủy. Phát triển tốt và đồng bộ loại hình giao thông này sẽ giảm tải được các phương tiện giao thông đường bộ và giúp cho ngành LOGISTIC của Hải Phòng phát triển đồng bộ.

Tháng 12/2017, UBND TP. Hải Phòng đã nghiệm thu kết quả nghiên cứu xây dựng Kịch bản các-bon thấp TP. Hải Phòng do Nhóm mô hình tích hợp Châu Á-Thái Bình Dương (AIM) và Viện chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng xây dựng.

Theo tính toán của Nhóm nghiên cứu thì TP. Hải Phòng có thể giảm được 4,6 triệu tấn CO₂ quy đổi, tương đương với 14% tổng lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 trong kịch bản phát thải có tính đến các biện pháp giảm thiểu (2030CM) so với kịch bản phát thải thông thường (2030BaU).

Mục tiêu giảm phát thải này của Thành phố là phù hợp với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia được thể hiện trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (giảm từ 10-20%) và trong Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định về biến đổi khí hậu của Việt Nam (8-25%).

HOÀNG HÀ

ĐÀ NẴNG:

Kinh nghiệm của một tỉnh đi đầu về SẢN XUẤT SẠCH HƠN

Mặc dù trong giai đoạn đầu Đà Nẵng không thuộc 5 tỉnh mục tiêu của Hợp phần CPI, tuy nhiên, do Trung tâm Tư vấn Khuyến công Đà Nẵng đã biết tranh thủ tốt từ nguồn kinh phí từ hợp phần và sự ủng hộ của lãnh đạo nên đã tổ chức tuyên truyền đưa Chiến lược đến cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương từ rất sớm. Nhờ vậy mà Đà Nẵng đã trở thành một địa phương có hoạt động SXSH hết sức nổi trội.

Tận dụng hết thuận lợi

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Đà Nẵng là đơn vị đã và đang triển khai tốt các chương trình về SXSH, với kinh nghiệm và năng lực hiện tại đảm bảo triển khai thực hiện tốt các đề án. Đồng thời Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Đà Nẵng cũng là đơn vị có kinh nghiệm thực hiện đánh giá sản xuất sạch hơn, cụ thể đã thực hiện đánh giá cho 10 đơn vị trong các năm 2010, 2011 từ Hợp phần sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (CPI) tài trợ, đánh giá sản xuất

sạch hơn cho 11 đơn vị trong năm 2016-2018 theo chương trình khuyến công.

Thuận lợi giúp cho Đà Nẵng có thể đạt được những kết quả này đầu tiên là từ sự đồng thuận của tất cả các cấp ngành, chính quyền địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong việc hưởng ứng, tham gia, triển khai chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Bên cạnh đó là hưởng ứng nhiệt tình của doanh nghiệp. Được sự quan tâm hỗ trợ nhiệt tình từ phía doanh nghiệp, đặc biệt là lãnh đạo doanh nghiệp đã nhận thấy được lợi ích cũng như tầm quan trọng của việc áp dụng SXSH. Doanh nghiệp đã có kiến thức về SXSH, đã được tham gia nhiều khóa đào tạo, tập huấn về SXSH. Trong thời gian đầu cán bộ Trung tâm được các công tác viên là giảng viên tại các trường Đại học trên địa bàn Thành phố hướng dẫn và cùng thực hiện theo đó cán bộ Trung tâm được cử tham gia các khóa đào tạo chuyên môn do Bộ Công Thương tổ chức. Đến nay, có thể nói năng lực của Trung tâm đáp ứng tốt các hoạt động của Chiến lược đề ra khi triển khai tại địa phương và khu vực.

Ngoài ra, Đà Nẵng cũng có những may mắn đặc biệt. Đó là thời điểm năm 2014 được UBND thành phố hỗ trợ đầu tư một số thiết bị phục vụ cho hoạt động SXSH, bên cạnh đó từ Chương trình Jica, Trung tâm đã tiếp nhận bộ thiết bị phân tích, đo kiểm phục vụ tốt cho hoạt động SXSH từ đầu năm 2018.

Mặc dù vậy, Trung tâm vẫn nhìn thấy một số khó khăn và đặt quyết tâm thay đổi trong giai đoạn tới. Với kinh nghiệm có được từ các dự án đã thực hiện, Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Đà Nẵng đã giới thiệu chương trình SXSH theo một số nhóm ngành đặc trưng đến cộng đồng doanh nghiệp và hỗ trợ chuyên gia đánh giá nhanh tìm cơ hội áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp hiệu quả. Tuy nhiên, việc áp dụng tại doanh nghiệp chưa đồng bộ, bước đầu triển khai khá tốt nhưng công tác duy trì và phát triển còn gặp một số khó khăn nhất định tại doanh nghiệp, trong đó có nguồn kinh phí dành cho đầu tư công nghệ áp dụng SXSH chưa có hoặc quá thấp. Ngoài ra có thể nhận thấy nội lực của Chiến lược đến nay chỉ dừng lại hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp, nội dung hỗ trợ ứng dụng mô hình, ứng dụng giải pháp chưa phân bổ được nguồn kinh phí phù hợp kể từ sau hợp phần CPI kết thúc. Bên cạnh đó, tại địa phương chiến lược hành động SXSH chưa được bàn hành.

Tác động tới đời sống ra sao?

Qua các chương trình đã thực hiện về SXSH, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã mang lại các lợi ích kinh tế song song với giảm tải lượng ô nhiễm. Từ đó nâng cao môi trường sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp áp dụng SXSH

Kết quả cụ thể đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh/thành phố

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Hội nghị và tập huấn áp dụng SXSH trong công nghiệp			200 doanh nghiệp tham dự gồm các nhóm ngành: dệt may, da giày, hoá chất, nhựa, vật liệu xây dựng, thủy sản,...
1.1	Hội thảo	hội thảo	02	
1.2	Tập huấn	lớp	05	
2	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về SXSH			
2.1	Phim, tư liệu về SXSH	phim	02	
2.2	Bài viết về SXSH	Bài viết	20	
3	Đánh giá nhanh SXSH	doanh nghiệp	10	
4	Đánh giá chi tiết SXSH	doanh nghiệp	11	
5	Hỗ trợ ứng dụng giải pháp SXSH	Doanh nghiệp	02	

góp phần giảm các tổn thất, thất thoát nguyên vật liệu và sản phẩm, do đó có thể đạt năng suất cao với chất lượng sản phẩm ổn định hơn, lợi nhuận gia tăng, tính cạnh tranh được cải thiện. Tính đến nay, trung bình mỗi năm, các doanh nghiệp tại Đà Nẵng tiết kiệm được khoảng 20 tỷ đồng, thông qua tiết kiệm khoảng 130m³ nước, hơn 3 triệu kW giờ điện, hơn 1 ngàn tấn nguyên vật liệu và hơn 1 ngàn tấn than tiêu thụ hàng năm. Bên cạnh đó góp phần hoàn thiện để án thành phố môi trường.

Qua nội dung hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và chuyển giao công nghệ hàng năm từ chương trình khuyến công, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Đà Nẵng đã hỗ trợ và tư vấn cho doanh nghiệp đầu tư, cải tiến hệ thống máy móc thiết bị theo định hướng áp dụng các phương pháp SXSH. Qua đó, góp phần giải quyết vấn đề giảm thiểu thất thoát nguyên, nhiên liệu

đầu vào và sản phẩm, chất thải đầu ra. Nhờ có hoạt động kiểm toán năng lượng hàng năm, Trung tâm đã lồng ghép tốt nội dung về hiện trạng và định hướng năng lượng cụ thể cho từng doanh nghiệp được đánh giá. Bên cạnh đó, Trung tâm phối hợp triển khai Chương trình Khu công nghiệp cacbon thấp cũng mang lại sự cộng hưởng rất lớn cho chiến lược SXSH này.

Có thể thấy rằng, qua một các chương trình đã thực hiện, từ kết quả đạt được và khảo sát thực tế tại doanh nghiệp thấy được tầm quan trọng, lợi ích và hiệu quả từ chương trình SXSH mang lại. Để có thể giúp doanh nghiệp áp dụng SXSH tốt hơn trong thời gian đến, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp kính đề nghị Sở Công Thương đề xuất với Bộ Công Thương ba nội dung sau:

1. Tiếp tục củng cố cơ quan đầu mối tham mưu giúp Bộ hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương, doanh nghiệp triển khai

tiếp tục các nội dung về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm kế thừa kết quả do CPI hỗ trợ, các chương trình hỗ trợ về SXSH khác cho cơ sở trong những năm qua đồng thời thực hiện tốt Chiến lược sản xuất sạch hơn trong Công nghiệp đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỗ trợ đào tạo năng lực chuyên môn cho các Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp nhằm triển khai tốt chương trình SXSH đến doanh nghiệp hiệu quả như các chương trình mục tiêu khác.

3. Hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các giải pháp sản xuất sạch hơn tại doanh nghiệp thông qua các nội dung trình diễn, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ,... nhằm đưa các giải pháp thực hiện của các chuyên gia sản xuất sạch hơn từ tư vấn đi vào thực tiễn, đồng thời huy động nguồn vốn của doanh nghiệp đầu tư thực hiện SXSH.

PV

THẠCH HÀ:

Tập huấn sản xuất sạch hơn trong công nghiệp năm 2018

Ngày 27/07/2018, Sở Công Thương Hà Tĩnh phối hợp với UBND huyện Thạch Hà tổ chức Hội nghị tập huấn sản xuất sạch hơn trong công nghiệp năm 2018 cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Các học viên là chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Thạch Hà đã được học tập 6 chuyên đề bao gồm Giới thiệu về sản xuất sạch hơn; Sản xuất sạch hơn với doanh nghiệp công nghiệp; Quản lý nội vi và sản xuất sạch hơn; Tổng quan các bước đánh giá sản xuất sạch hơn; Sản xuất sạch hơn và các chương trình hỗ trợ; Quản lý nhà nước với vấn đề sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

Thông qua lớp tập huấn đã giúp cho các học viên nắm rõ hơn các kiến thức, quy trình, quy định hiện hành của nhà nước trong sản xuất, kinh doanh, từ đó thực hiện tốt hơn các bước đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh thời gian tới.

THÚY QUỲNH - HOÀNG TUẤN

VĨNH PHÚC:

Phát triển CN - TTCN, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu

Ngày 19/7/2018, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Vĩnh Phúc phối hợp với Công ty TNHH Xanh Ganam tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất sạch hơn (SXSH), tiết kiệm nguyên liệu cho các cơ quan quản lý, cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Trong khuôn khổ chương trình của hội nghị, các đại biểu được tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm áp dụng SXSH tại HTX Nông thôn mới Đại Phúc ở xã Đạo Đức (Bình Xuyên) và Công ty TNHH Ong Tam Đảo và thảo luận 5 chuyên đề chuyên sâu liên quan đến các nội dung như: SXSH trong công nghiệp; SXSH với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hướng dẫn các bước đánh giá SXSH tại doanh nghiệp; khởi động SXSH với công cụ quản lý nội vi 5S (sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng, sẵn sàng); các điển hình về SXSH tại các địa phương trong cả nước.

Thông qua hội nghị giúp các cơ sở sản xuất kinh doanh nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm mức độ ô nhiễm, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm, đồng thời góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển bền vững của ngành công nghiệp, phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

VIỆT SƠN



MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG XANH: BÀI HỌC KINH NGHIỆM từ Nhật Bản, Hàn Quốc

PGS.TS. BÙI TẮT THẮNG
Viện Chiến lược phát triển

Kinh nghiệm Nhật Bản

Từ năm 2003, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành “Chiến lược năng lượng sinh khối” và xây dựng các mô hình đô thị thông minh, đô thị xanh và sinh thái. Năm 2009 đã có 208 đô thị và đến năm 2010 đạt 300 thành phố, đô thị đạt danh hiệu này. Tiếp theo, năm 2008, chính phủ nước này đưa ra “Kế hoạch hành động cho một xã hội các-bon thấp”, trong đó đặt trọng tâm vào lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo như sản xuất năng lượng mặt trời; phát triển các phương tiện vận tải không dùng xăng, thiết kế thể hệ xe mới sử dụng năng lượng điện; thực hiện lối sống giảm khí thải CO₂, giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch và tiết kiệm năng lượng để hướng tới giảm khí nhà kính, bảo vệ nền kinh tế và người dân khi giá năng lượng tăng.

Sau sự cố tại Nhà máy điện hạt nhân

Fukushima (2011) để lại tác hại lâu dài cho môi trường, Nhật Bản càng quan tâm phát triển “kinh tế xanh”, “năng lượng xanh” với công nghệ mới sản xuất điện, nhiên liệu “sạch hơn”, trong đó có sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo vô tận trong tự nhiên.

Hiện nay, Chính phủ Nhật Bản có kế hoạch giảm 25% lượng khí thải nhà kính vào năm 2020 thông qua việc đưa ra chính sách thuế các-bon để quyết tâm giảm phát thải các-bon xuống mức thấp nhất tại các thành phố lớn. Thành phố Tokyo đã kêu gọi giảm 30% lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2020 và 80% vào năm 2050, giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch bằng cách thiết lập những khuôn khổ thích hợp cho năng lượng tái sinh, công nghệ bảo tồn năng lượng và các hệ thống vận chuyển đa hình thái.

Để thực hiện mô hình tăng trưởng

kinh tế xanh, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành nhiều chính sách đồng bộ gồm: đầu tư xanh, nghiên cứu và triển khai công nghệ xanh, tuyên truyền, đào tạo nhân lực, hợp tác quốc tế, đặc biệt là áp dụng hệ thống thuế xanh - một trong các công cụ quan trọng được sử dụng để thúc đẩy các sáng kiến xanh.

Nhằm giám sát việc thực hiện Chiến lược, Nhật Bản đã thành lập “Hội đồng xúc tiến Chiến lược tăng trưởng mới” vào tháng 9/2010 do Thủ tướng đứng đầu. Đồng thời, tăng cường tổ chức Diễn đàn các công nghệ xanh để mở rộng hợp tác giao lưu quốc tế về khoa học và công nghệ, chia sẻ các kinh nghiệm phát triển và thông tin công nghệ. Thực hiện “Chiến dịch sáng kiến xanh” để phát triển công nghệ năng lượng và môi trường, tạo cơ hội đầu tư và việc làm.

Ngoài ra, Nhật Bản chú trọng đến các ngành công nghiệp phục vụ môi trường với quy mô 873 tỷ USD vào năm 2010, khuyến khích sử dụng nguồn lực địa phương, thông qua tiêu chuẩn ưu tiên sử dụng sản phẩm và dịch vụ môi trường, trợ cấp và ưu đãi thuế cho việc mua bán công nghệ xanh, sản phẩm xanh...

Kinh nghiệm Hàn Quốc

Hàn Quốc bắt đầu thực hiện mô hình tăng trưởng xanh từ năm 2008 với bài phát biểu kỷ niệm 60 năm thành lập nước của Tổng thống, tuyên bố chính sách tăng trưởng xanh, coi đó là triển vọng tương lai của đất nước.

Năm 2010, Hàn Quốc công bố “Chiến lược phát triển các ngành công





ngành xanh", xác định một kế hoạch chi tiết các chính sách tăng trưởng xanh, tạo ra mô hình phát triển mới của quốc gia. Mục tiêu chung của chiến lược là trở thành nền kinh tế tăng trưởng xanh lớn thứ 7 thế giới vào năm 2020 và thứ 5 về năng lượng xanh vào năm 2050.

Những điểm chính trong Chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc là: thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính một cách hiệu quả; giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch; phát triển công nghệ xanh; xanh hoá các ngành công nghiệp hiện có; phát triển các ngành công nghiệp tiên tiến; xây dựng nền tảng cho kinh tế xanh; xây dựng không gian xanh và giao thông vận tải xanh; thực hiện cuộc cách mạng xanh về lối sống; hỗ trợ quốc tế cho tăng trưởng xanh.

Chương trình mở đầu bằng Dự án cải thiện môi trường sinh thái của 4 con sông lớn. Đó là sông Hàn chảy qua thủ đô Seoul, sông Nakdong ở vùng Đông Nam, sông Yeongsan ở khu vực Tây Nam và sông Geum ở miền Trung của Hàn Quốc. Ngoài ra, còn các nhánh sông và sông Seomjin, tổng cộng là 18 con sông trên khắp đất nước. Bên cạnh mục tiêu cải tạo hệ sinh thái, dự án này hướng đến hỗ trợ phát triển kinh tế vùng bằng cách tạo ra các không gian đa dụng cho hoạt động văn hoá và du lịch vùng ven sông. Toàn bộ dự án tiêu tốn khoảng 16.000 tỷ won, tương đương 13,8 tỷ USD; tạo ra 340.000 việc làm và thu được lợi ích kinh tế xấp xỉ 40.000 tỷ won.

Tiếp theo, nội dung chủ đạo của mô hình tăng trưởng theo chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc thể hiện ở việc lựa chọn các ngành công nghiệp chủ lực như thép, đóng tàu, ô tô, hóa dầu, dệt may... để triển khai thực hiện áp dụng công nghệ xanh, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, thay đổi toàn bộ quá trình sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường.

Thực hiện mô hình tăng trưởng xanh, Hàn Quốc đã xây dựng thể chế để thực hiện các nội dung về tăng trưởng xanh như: ban hành Luật cơ bản về tăng trưởng xanh, ít các-bon (có hiệu lực từ 14/4/2010); thành lập Ủy ban quốc gia

về tăng trưởng xanh do Thủ tướng đứng đầu, thành viên là các bộ trưởng; thành lập Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) - một tổ chức liên chính phủ có mục đích xây dựng chiến lược tăng trưởng xanh ít các-bon và hỗ trợ các nước thực hiện những chiến lược này.

Chính phủ cũng ban hành nhiều chính sách ưu đãi đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường, giúp các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí sản xuất trong giai đoạn đầu; khuyến khích chuyển sang phương thức mua sắm công thân thiện với môi trường.

Đồng thời, Chính phủ đưa ra gói kích thích kinh tế 38,1 tỷ USD, trong đó dành 81% cho mục tiêu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đứng đầu thế giới, vượt xa EU (59%), Trung Quốc (38%). Các hợp phần gồm: 10,5 tỷ USD đầu tư cải tạo các dòng sông; 5,8 tỷ USD cho mục tiêu sử dụng hiệu quả năng lượng; 1,8 tỷ USD cho trồng rừng... Hàn Quốc còn đầu tư gần 40 tỷ USD trong 4 năm (2008 - 2012) nhằm phát triển lĩnh vực công nghiệp và kỹ thuật xanh cùng công nghiệp mũi nhọn tổng hợp.

Chính phủ cũng đã cho xây dựng hệ thống "vận tải xanh", bao gồm đường sắt thải ít khí các-bon và 3.000 km đường xe đạp quanh bốn con sông xanh. Khoảng 2 triệu ngôi nhà xanh và văn phòng làm việc sử dụng ít năng lượng và điện sẽ được xây dựng. Thực hiện mục tiêu cắt giảm 30% khí CO₂ và các vấn đề như đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực, các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu và giải quyết các vấn đề xã hội vào năm 2020.

Việt Nam đang đi theo xu hướng chung của thế giới hiện đại

Ở Việt Nam, trên cơ sở phân tích xu hướng chung trên thế giới và tham khảo kinh nghiệm chính sách của một số quốc gia đi tiên phong trong phát triển nền kinh tế xanh, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm

nhìn đến năm 2050. Chiến lược tăng trưởng xanh đề ra 3 nhiệm vụ quan trọng.

Một là, giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Giai đoạn 2011-2020 giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8-10% so với năm 2010; định hướng tới năm 2030 giảm ít nhất mỗi năm từ 1,5-2%.

Hai là, xanh hóa sản xuất, thực hiện chiến lược "công nghiệp hóa sạch". Đến năm 2020 giá trị sản phẩm công nghệ cao, công nghệ xanh trong GDP là 42 - 45%; 80% các cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn về môi trường, 50% áp dụng công nghệ xanh, đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên phần đầu đạt 3-4% GDP.

Ba là, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Thực hiện đô thị hóa nhanh, bền vững, duy trì lối sống hòa hợp với thiên nhiên và tạo lập thói quen tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới toàn cầu.

Tiếp theo, ngày 20/3/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 403/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, bao gồm 4 chủ đề, 12 nhóm hành động và 66 nhiệm vụ. Các chủ đề chính là: xây dựng thể chế và kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương; giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thực hiện xanh hóa sản xuất; thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững.

Với chiến lược này, Việt Nam đang đi theo xu hướng chung của thế giới hiện đại. Con đường phía trước còn dài và còn không ít khó khăn, thách thức, nhưng một mô hình tăng trưởng mới - tăng trưởng xanh của kinh tế Việt Nam đang từng bước hình thành.

Hy vọng rằng, với những cải cách thể chế và nỗ lực triển khai áp dụng cách mạng công nghiệp 4.0, mô hình tăng trưởng xanh sẽ đem lại cho nền kinh tế Việt Nam những động lực mới, thành công mới, ngày càng bền vững và thịnh vượng ■



BAO BÌ Xanh

- Xu hướng tiêu dùng hiện đại

HÀ MỸ GIANG

Đứng trước mối lo ngại về tình trạng ô nhiễm môi trường với lượng rác thải nhựa tăng cao, người tiêu dùng Việt dần chuyển sang sử dụng bao bì xanh để đảm bảo an toàn cho sức khỏe.

Bao bì xanh - lạ mà quen

Theo nghiên cứu do các chuyên gia công bố trong sự kiện Ngày trái đất TP.HCM gần đây, mỗi ngày có gần 19.000 tấn rác thải nhựa được thải ra ở Việt Nam. Nếu đem tiêu hủy, nhựa từ nylon có khả năng gây ô nhiễm không khí dẫn đến nhiều bệnh về đường hô hấp. Còn nếu thải ra môi trường, một chiếc túi nylon phải mất 500-1.000 năm mới phân hủy hoàn toàn. Về lâu dài, việc này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cả môi trường sống và sức khỏe.

Bao bì xanh là tên gọi chung cho những loại bao bì thân thiện môi trường. Đó có thể là những sản phẩm từ tự nhiên hay nguyên liệu dễ tái chế. Những năm gần đây, nhiều gia đình đã chuyển sang sử dụng bao bì xanh trong sinh hoạt. Phổ biến nhất là việc sử dụng các loại lá tự nhiên có bản to, rộng như lá chuối, lá sen... để gói/đựng sản phẩm.

Nhiều gia đình có xu hướng lựa chọn sản phẩm có thể dùng được

nhiều lần như: thủy tinh, inox, giấy hoặc dùng bao bì xanh (túi vải không dệt, túi nylon tự hủy, túi cói...) để đựng đồ khi mua sắm. Đồng hành cùng xu hướng tiêu dùng xanh, từ năm 2014, nhiều doanh nghiệp bán lẻ lớn đã chủ động sản xuất túi vải không dệt để hình thành thói quen tích cực cho người tiêu dùng.

Ghi nhận nhanh tại các quầy hàng thực phẩm dạng lỏng như sữa, nước trái cây, sữa đậu nành... thì các vỏ hộp có logo FSC đang ngày càng phổ biến. FSC là viết tắt của Forest Stewardship Council (Hiệp hội Rừng thế giới), tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận có trách nhiệm để ra những biện pháp kiểm soát việc quản lý rừng trên toàn cầu.

Chọn mua các vỏ hộp có logo FSC là góp phần ủng hộ những nỗ lực toàn cầu trong việc bảo tồn nguồn tài nguyên rừng quý giá cho thế hệ sau. Hành động này sẽ góp phần không nhỏ trong việc giúp giữ gìn môi trường sống trong lành.

Sáng kiến xanh vì môi trường

Tetra Pak - tập đoàn đóng gói và chế biến thực phẩm từ Thụy Điển đang trong quá trình nghiên cứu để sản xuất ống hút giấy. Loại ống hút này có chức năng như ống hút nhựa thông thường nhưng thân thiện môi trường vì làm bằng giấy và sẽ đi kèm với bao bì thực phẩm dạng lỏng mà hãng đang cung ứng trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Ông Jeffrey Fielkow, Tổng giám đốc Tetra Pak Việt Nam cho biết: "Chúng tôi tin rằng ống hút giấy khi được đưa vào sử dụng sẽ mang lại giải pháp bền vững, lâu dài cho vấn đề môi trường. Điều này cũng giúp chúng tôi tiến gần hơn tới mục tiêu sử dụng 100% nguyên liệu tái tạo cho các sản phẩm của mình".

Tetra Pak cũng là tập đoàn phát minh ra bao bì giấy tiết trùng 6 lớp, tạo ra cuộc cách mạng trong ngành đóng gói và chế biến thực phẩm khi giúp giữ sản phẩm tươi ngon lên đến 6 tháng mà không cần đến chất bảo quản.

"Đại gia" ngành bao bì này cũng là một trong số ít công ty sở hữu bộ sản phẩm thân thiện với môi trường. Năm 2017, Tetra Pak đã cung cấp 8 tỷ bao bì tại thị trường Việt Nam, 100% đều được làm từ các nguồn rừng quản lý bền vững do Hiệp hội Rừng thế giới chứng nhận.

Tập đoàn này cũng tạo dấu ấn riêng khi sản xuất nắp sinh học có nguồn gốc tự nhiên nhờ làm bằng cây mía, phát minh thành công công nghệ e-Beam khử trùng bao bì bằng chùm tia điện tử, giúp tiết kiệm đến 50% năng lượng sử dụng trong quá trình sản xuất. Việc ra mắt ống hút giấy vào cuối năm nay sẽ là sự bổ sung đáng kể vào bộ sản phẩm xanh cho các gia đình Việt, góp phần đóng góp vào nỗ lực chung nhằm giải quyết vấn đề rác thải nhựa tại Việt Nam ■



CÔNG NGHỆ VÀ SẢN PHẨM THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG - Yếu tố sống còn của ngành Nhựa

Ủy ban châu Âu vừa đưa ra đề xuất cấm các sản phẩm bằng nhựa dùng một lần như ống hút nhựa, ly nhựa, túi ny lông... đồng thời kêu gọi các nước thành viên thu gom 90% các loại chai nhựa vào năm 2025.

Trước thực tế đó, nhiều doanh nghiệp (DN) nhựa Việt Nam cho rằng đề xuất của EC sẽ có những tác động nhất định đến xuất khẩu nhựa Việt Nam trong thời gian tới. Do đó, các DN đã có những định hướng chuyển đổi công nghệ sản xuất và sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường nhằm giữ vững thị phần xuất khẩu vào châu Âu.

Cửa hẹp cho sản phẩm nhựa thiếu thân thiện môi trường

Đại diện Bộ Công thương Việt Nam cho biết, theo đề xuất mới của EC, các sản phẩm nhựa dùng một lần và dễ thay thế như ống hút, đĩa, thìa, đũa sẽ bị cấm và được thay thế bằng các vật liệu cứng bền vững, thân thiện với môi trường. Song song đó, các nhà sản xuất sản phẩm nhựa trên sẽ được khuyến khích dùng các giải pháp thay thế ít ô nhiễm hơn và phải dán nhãn sản phẩm.

Chính phủ và DN cũng có trách nhiệm đẩy mạnh tuyên truyền thông tin tới người tiêu dùng về những tác hại của rác thải nhựa. Đồng thời, khuyến khích chuyển hướng sang tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường hơn.

Ngoài ra, trong đề xuất lần này, EC cũng yêu cầu vào năm 2025, các nước thành viên phải thu gom 90% các chai lọ dùng một lần.

Riêng các nhà sản xuất sản phẩm chai lọ phải có trách nhiệm hỗ trợ chi phí xử lý số chai nhựa này.

Hiện đề xuất trên còn phải chờ 28 nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) và Nghị viện châu Âu thông qua mới có hiệu lực. Tuy nhiên, nhiều ý kiến DN cho rằng đề xuất trên là rất khả thi. Bởi trước đó, Chính phủ Anh đã ra lệnh cấm ống hút nhựa và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần.



Sản xuất bao bì nhựa tại một đơn vị. Ảnh: CAO THẮNG

Mặt khác, lý do quan trọng nhất là Trung Quốc đã thực hiện cấm nhập khẩu các sản phẩm rác thải nhựa từ nước ngoài để tái chế.

Trong khi đó, EU đang xuất khẩu một nửa số rác thải nhựa thu gom được và 85% trong tổng số đó là xuất sang Trung Quốc.

Không chỉ vậy, châu Âu cũng được cảnh báo là sẽ gặp khó khăn hơn trong việc tìm kiếm giải pháp xử lý rác thải nhựa khi mà nhiều nước trên thế giới đang và sẽ áp dụng lệnh cấm nhập khẩu phế liệu nhựa, trong đó có Việt Nam.

Từ đầu năm đến nay, Hiệp hội Nhựa TPHCM cũng đã nhiều lần kiến nghị Bộ Công Thương, Chính phủ xem xét tình trạng hạn chế nhập khẩu phế liệu nhựa.

Trong ngắn hạn, nguồn nguyên liệu nhựa phế thải có thể giúp một số DN nhựa phát triển nhanh chóng, tăng nguồn nguyên liệu nội địa thứ cấp, giảm giá thành sản phẩm, tăng nội lực cạnh tranh.

Thế nhưng, về lâu dài, Chính phủ phải đầu tư khoản chi phí khổng lồ để

khắc phục hậu quả môi trường, thậm chí có những nguy hại ô nhiễm không thể khắc phục được, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng sống của người dân như là chất dioxin.

Chuyển đổi sản xuất xanh - yếu tố sống còn của DN

Bộ Công Thương khuyến cáo, để đáp ứng xu hướng tiêu dùng thị trường xuất khẩu trong thời gian tới, DN nhựa phải đổi mới công nghệ, sử dụng thiết bị tiên tiến và tăng cường tự động hóa. Từng bước loại bỏ công nghệ, thiết bị cũ.

Cao hơn nữa, công nghệ sản xuất nhựa phải đảm bảo tiêu chuẩn như sạch, tiết kiệm năng lượng. Sản phẩm phải thân thiện môi trường, có chất lượng và giá trị gia tăng cao và đặc biệt giá thành phải đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Hiện bộ đang đẩy mạnh kết nối với thương vụ nước ngoài và một số công ty cung cấp thiết bị quốc tế để hỗ trợ DN sản xuất nhựa trong nước tiếp cận công nghệ và nguồn nguyên liệu mới. Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng xúc tiến tổ



chức các hội chợ công nghệ sản xuất nhựa trong nước và quốc tế để tạo cơ hội cho các DN nội tiếp cận với công nghệ mới.

Tuy nhiên, ở góc độ DN, ông Trần Việt Anh, Phó chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp TPHCM, cho rằng việc xúc tiến tạo cơ hội để DN tiếp cận công nghệ mới là chưa đủ.

Hiện cả nước đang có khoảng 2.000 DN sản xuất nhựa đang hoạt động. Tổng giá trị xuất khẩu ngành nhựa Việt Nam năm 2017 đã đạt trên 3 tỷ USD, tăng 17,3% so với năm 2016.

Trong năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nhựa được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khoảng 12% - 15%. Thị trường Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Asean vẫn được xác định là thị trường chủ lực của DN nhựa xuất khẩu.

Tuy nhiên, điều đáng lo ngại là không chỉ thị trường châu Âu là hầu hết tất cả các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đã và đang áp dụng biện pháp hạn chế nhập khẩu sản phẩm nhựa không có khả năng tái chế hoặc không thân thiện môi trường.

Trong khi đó, hầu hết DN nhựa Việt Nam có công nghệ sản xuất lạc hậu và sử dụng nhựa phế thải làm một phần nguyên liệu. Hoạt động sản xuất nhựa cũng đang tiêu tốn nhiều năng lượng và đặc biệt gây ô nhiễm môi trường rất nặng nề tại một số địa phương trên cả nước.

Đa số các DN nhựa lại có quy mô sản xuất vừa và nhỏ, vốn yếu nên không thể tự chuyển đổi công nghệ sản xuất mới được. Do vậy, nhất thiết phải có những chính sách hỗ trợ vốn đầu tư mạnh mẽ hơn từ các cơ quan chức năng.

Không dừng lại đó, ông Hồ Đức Lam, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp nhựa Việt Nam, cho biết thêm, các cơ quan chức năng cần thúc đẩy nhanh việc kêu gọi đầu tư sản xuất nguyên liệu nhựa nhằm giảm áp lực nhập khẩu nguyên liệu sản xuất cho các DN nhựa.

Mỗi năm, ngành nhựa cần trung bình khoảng 4 triệu tấn các loại nguyên liệu đầu vào nhưng nguồn cung nội địa chỉ mới đáp ứng khoảng gần 900.000 tấn. Tình trạng phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhựa nhập khẩu không chỉ làm cho DN bị động sản xuất khi có biến động giá trên thị trường.

Quan trọng hơn, các DN sản xuất nội không thể tận dụng lợi thế ưu đãi thuế suất khi xuất khẩu vào những thị trường mà Việt Nam đã ký kết hiệp định thương mại tự do.

ÁI VĂN

CHẾ PHẨM SINH HỌC TỪ TINH BỘT SẮN có thể giúp hoa quả tươi 35 ngày

YẾN OANH

Một nghiên cứu thành công từ các chuyên gia đã tạo ra chế phẩm sinh học từ tinh bột sắn có thể giúp hoa quả tươi lâu 35 ngày, thân thiện môi trường và an toàn cho sức khỏe con người.

Để tài "Ứng dụng nano bạc trong sản xuất chế phẩm màng bảo quản một số quả tươi" được nhóm nghiên cứu gồm TS.Lê Đại Vương (Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế), TS.Võ Văn Quốc Bảo (ĐH Nông lâm Huế) cùng các cộng sự triển khai từ năm 2015.

Theo TS.Lê Đại Vương, công nghệ nano là một lĩnh vực mới và hấp dẫn của khoa học, cho phép nâng cao nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực. Một trong số các hạt nano thân thiện với môi trường và con người được ứng dụng rộng rãi hiện nay là nano bạc. Các hạt nano bạc có diện tích mặt rất lớn, gia tăng tiếp xúc của chúng với vi khuẩn hoặc nấm và nâng cao hiệu quả diệt khuẩn và diệt nấm.

Do đó, việc nghiên cứu chế tạo chế phẩm sinh học có khả năng kháng khuẩn từ tinh bột sắn, nano bạc từ một số nguồn gốc thực vật là rất thiết thực.

Sau 2 năm nghiên cứu giải pháp ứng dụng nano bạc trong sản xuất chế phẩm màng bảo quản một số quả tươi đã chứng minh hiệu quả với quả quýt Hương Cẩn, cà chua. Kết quả cho thấy chế phẩm sinh học từ nano bạc, chitosan và tinh bột sắn đảm bảo tính an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường.

Nhóm nghiên cứu nhận thấy đối với quả quýt Hương Cẩn được phun chế phẩm nano có thể tươi lâu đến 35 ngày đồng thời vẫn giữ được độ ngọt, mùi vị và màu sắc của quýt, so với chỉ 9 ngày nếu không bảo quản.

"Nhờ cách bảo quản này, quýt Hương Cẩn có thể được nhập khẩu hay vận chuyển đi xa trong thời gian dài và điều quan trọng nữa là cách sử dụng chế phẩm rất đơn giản, thuận tiện cho bà con áp dụng và giá thành cũng rất rẻ. Một lít chế phẩm chỉ có 50.000 đồng, sử dụng cho khoảng 2-3 tạ quýt", TS. Vương phấn khởi cho biết.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của đề tài, nhóm đã hợp tác với làng Hương Cẩn, xã Hương Toàn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm giúp bà con ở đây bảo quản quýt đặc sản. TS. Vương khẳng định, việc áp dụng chế phẩm màng bảo quản quả tươi sẽ hạn chế việc thu hái quýt trước thời điểm thu hoạch, đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng và vitamin C trong quýt. Hạn chế thất thoát khối lượng, giữ được màu sắc và hương vị tự nhiên... ■



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (TKV) CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG biến đổi khí hậu

Năm 2018, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) dự kiến tiếp tục thực hiện gần 30 công trình, dự án ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu, tập trung vào 2 giải pháp chính là “thích ứng” và “giảm nhẹ”.



Hội nghị Bàn các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu của TKV năm 2018 và những năm tiếp theo tại Quảng Ninh.

Ngành than với biến đổi khí hậu

Ngành công nghiệp khai thác và chế biến than luôn được đánh giá là một trong những ngành kinh tế - sản xuất công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam, nắm giữ vai trò là nguồn cung cấp nhiên liệu than đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế nội địa và phục vụ xuất khẩu cũng như đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Hiện Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) được Nhà nước giao quản lý và điều hành sản xuất 7 mỏ lộ thiên lớn với công suất từ 1,2 triệu tấn/năm trở lên và 11 mỏ hầm lò có công suất trên 1,0 triệu tấn/năm trở lên. Ngoài ra, còn một số mỏ hầm lò, lộ thiên có công suất nhỏ từ vài trăm nghìn tấn đến một triệu tấn/năm. Các mỏ của TKV hiện nằm chủ yếu tại tỉnh Quảng Ninh, ngoài ra một số mỏ

rải rác tại tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam.

Trong khâu sàng tuyển, chế biến than, TKV hiện có 3 nhà máy sàng tuyển tập trung là Cửa Ông, Hòn Gai, Vàng Danh với tổng công suất 18 triệu tấn/năm, ngoài ra là các xưởng sàng tuyển trực tiếp tại mỏ.

Với đặc thù vị trí địa lý này, biến đổi khí hậu với sự tăng lên của nhiệt độ toàn cầu dẫn đến những biến động mạnh mẽ của lượng mưa và sự gia tăng các hiện tượng khí hậu, thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán... với diễn biến thất thường có ảnh hưởng lớn lên hoạt động sản xuất khai thác của TKV, đặc biệt gây khó khăn và thiệt hại về kinh tế.

Kết quả điều tra, khảo sát của Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) năm 2018, cho thấy, các mỏ than vùng Quảng Ninh ít có khả năng bị ngập do nước biển dâng vì các mỏ đều có cốt cao hơn

mặt nước biển hàng mét trở lên, tuy nhiên các mỏ lộ thiên phải đề phòng ngập moong khai thác do mưa to, lượng mưa lớn. Nước biển dâng cao từ 20-24 cm sẽ ảnh hưởng đến đe dọa an toàn các công trình trên biển như Hòn Nét và các công trình ven biển như cảng Cửa Ông, kho bãi than của các nhà máy tuyển tập trung, các tuyến băng vận chuyển và rót than, cầu, đường...

“Thích ứng” và “giảm nhẹ” - Chìa khoá ứng phó BĐKH của TKV

Năm 2017, TKV đã có nhiều hoạt động ứng phó với BĐKH, đặc biệt tập trung thực hiện cải tạo phục hồi các môi trường bãi thải và hệ thống thoát nước ở nhiều mỏ, chống sạt lở bãi thải và xây dựng các tuyến đường vận tải chuyên dụng, đồng thời thường xuyên mở các lớp tập huấn về môi trường cho cán bộ quản lý và cán bộ làm công tác



Đoàn Bộ Công Thương thăm quan thực tế một số công trình ứng phó biến đổi khí hậu của các doanh nghiệp thuộc TKV

môi trường và triển khai hợp tác với nhiều nước như Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản trong công tác nghiên cứu công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực BVMT. Thông qua 42 công trình nhằm ứng phó với BĐKH thực hiện bởi 11 đơn vị trực thuộc TKV, năm 2017 mức đóng góp giảm phát thải KNK của TKV đạt mức 5%.

Nổi tiếp thành công trong công tác ứng phó BĐKH năm trước, năm 2018, TKV tiếp tục xây dựng kế hoạch và lựa chọn Kịch bản RPC 4.5 của Kế hoạch ứng phó với BĐKH và Nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016. Theo đó, kế hoạch ứng phó BĐKH năm 2018 của TKV sẽ tiếp tục tập trung vào 2 giải pháp là “thích ứng” và “giảm nhẹ”.

Đối với các mỏ hầm lò và mỏ lộ thiên, TKV cho biết sẽ tăng cường hệ thống bơm thoát nước mỏ tại các mỏ

bằng bơm có công suất lớn và sức đẩy cao, đồng thời tiến hành san gạt bề mặt sụt lún do khai thác, trám lấp các vết nứt nhằm ngăn ngừa nước bề mặt thấm thấu xuống dưới; tăng cường trồng cây phủ xanh, xây tường kè, rãnh đỉnh ngăn ngừa nước mưa thấm ngấm vào khu vực khai thác mỏ. Tại những khu vực kết thúc đổ thải, tiếp tục phủ kín diện tích bằng cây xanh để hạn chế xói mòn, sạt lở bãi thải; tạo đê ngăn theo các mép tầng thải, dốc nước ngang tầng thải nhằm ngăn dòng chảy tràn xuống sườn tầng.

Đặc biệt, đại diện TKV cho biết sẽ tiến dần tới các cảng không chứa than trên bề mặt cảng mà xây dựng các silo chứa kín, tăng cường vận chuyển than bằng băng tải, kể cả băng tải ống, thay cho vận chuyển bằng ô tô.

Theo tính toán, tổng lượng phát thải KNK trong hoạt động khai thác, chế biến than của TKV năm 2018 sẽ ở mức khoảng 2,3 triệu tấn CO₂ tương đương. Nhằm tối ưu hóa việc giảm nhẹ phát thải KNK mà vẫn giữ vững sản lượng than khai thác, đáp ứng mức tăng trưởng hàng năm, TKV sẽ tập trung vào áp dụng các giải pháp công nghệ và các giải pháp tiết kiệm điện năng trong từng khâu sản xuất.

Theo tính toán của VITE, các giải pháp này có thể giúp giảm từ 1,26-1,85 kWh/tấn, trung bình giảm 1,55 kWh/tấn trong khai thác than lộ thiên, và giảm 2,9-3,9 kWh/tấn, trung bình giảm 3,4 kWh/tấn đối với khai thác than hầm lò.

Tổng lượng cắt giảm phát thải khí nhà kính thông qua tiết kiệm năng lượng năm 2018 dự kiến đạt 180 ngàn tấn CO₂ tương đương.

Thông qua các giải pháp tiết kiệm điện năng và trồng cây tái tạo thảm thực vật, dự báo lượng KNK giảm thiểu sẽ khoảng 187 ngàn tấn CO₂, mức độ giảm ước đạt được là 5%, tương đương với mức của năm 2017. Bên cạnh đó, các giải pháp về khoa học công nghệ nhằm hợp lý hóa sản xuất, đồng bộ thiết bị, tận thu tối đa tài nguyên trong khai thác than hầm lò, khai thác than lộ thiên và sàng tuyển chế biến cũng sẽ góp phần lớn vào việc giảm phát thải KNK.

Đánh giá cao nỗ lực của lãnh đạo và tập thể cán bộ TKV, bà Nguyễn Thị Lâm Giang - Vụ Trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững (Bộ Công Thương) khẳng định TKV là một trong những tập đoàn đi đầu ngành Công Thương nói riêng và cả nước nói chung trong việc quan tâm, triển khai các chương trình, kế hoạch nhằm ứng phó với vấn đề BĐKH.

Tuy nhiên, Vụ trưởng Nguyễn Thị Lâm Giang cũng cho rằng, kế hoạch ứng phó BĐKH hàng năm nên được xây dựng trên kế hoạch tổng thể dài hạn của Tập đoàn để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả cũng như sự linh hoạt của chương trình theo đặc trưng của từng mỏ, từng địa phương và theo biến động của chính sách liên quan tới ứng phó BĐKH trên thế giới ■



Bãi thải phân tầng Chính Bắc Núi Béo của Công ty Than Hòa Gai được phủ xanh bởi cây phục hồi môi trường

Năm 2017, các đơn vị sản xuất than của TKV đã trồng được 196,7 ha cây phục hồi môi trường tại các mỏ. Với khả năng hấp thụ được 34,86 tấn CO₂/ha, tổng lượng giảm phát thải KNK từ cây phục hồi sẽ lên đến 6.856 tấn CO₂.



Quan điểm của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN) là tiếp tục thể hiện cam kết mạnh mẽ về trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan tới vấn đề biến đổi khí hậu (BĐKH) gắn chặt với chiến lược cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính đến năm 2030 của Chính phủ Việt Nam theo COP21.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA PVN ỨNG PHÓ với Biến đổi khí hậu

Ứng phó với BĐKH

Nhận thức trách nhiệm trong việc giảm thiểu phát thải các khí nhà kính (GHGs) từ các hoạt động của mình cũng như xây dựng các giải pháp để từng bước thích nghi với BĐKH và bảo đảm duy trì phát triển bền vững, Tập đoàn đang trong quá trình xây dựng “Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với BĐKH của Tập đoàn giai đoạn 2018-2030”.

Mục tiêu của Kế hoạch nhằm triển khai Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành TW về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Đồng thời, tham gia cùng cộng đồng quốc tế trong nỗ lực giảm nhẹ BĐKH, bảo vệ tài nguyên môi trường và kinh tế - xã hội.

Kiểm kê khí thải

Để chuẩn bị xây dựng kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với BĐKH phù hợp với hoạt động của Tập đoàn và các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Tập đoàn đang thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học để xác định thực trạng và dự báo nguồn phát thải, thải khí của các hoạt động dầu khí.

Qua đó, kiểm kê các nguồn khí thải bao gồm cả khí thải nhà kính phát sinh từ 5 hoạt động cốt lõi của Tập đoàn, gồm: khai thác dầu khí; vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí; công nghiệp điện; lọc hóa dầu và dịch vụ dầu khí. Mặt khác, xác định xu hướng phát thải và nhận biết cơ hội giảm thiểu phát thải, khí thải công nghiệp và khí nhà

kính của các cơ sở trong ngành dầu khí. Các kết quả dự báo sẽ được kiểm chứng dựa trên số liệu quan trắc tự động liên tục của một số công trình dầu khí trên bờ để xác định mức độ chính xác của phương pháp tính toán.

Hạn chế đốt bỏ và triệt để thu hồi, sử dụng khí đồng hành và dầu thô

Tập đoàn triển khai các dự án xây dựng hệ thống đường ống thu gom tối đa lượng khí đồng hành từ các mỏ ngoài khơi, góp phần gia tăng lượng khí khai thác hàng năm và giảm thiểu lượng GHGs phát thải do đốt bỏ không hiệu dụng khí đồng hành.

Trong đó, trọng tâm là dự án đường ống Nam Côn Sơn 2 thu gom khí từ các mỏ Đại Hùng, Thiên Ưng (giai đoạn 1) và các mỏ Sư Tử Trắng, Sao Vàng – Đại Nguyệt (giai đoạn 2) đưa về bờ.

Sử dụng năng lượng các bon thấp

Khí tự nhiên (KTN) là một nguồn tài nguyên phong phú phát thải ít CO₂ so với các nhiên liệu hóa thạch khác và có ý nghĩa tích cực về kinh tế và môi trường. Phát thải từ nhà máy nhiệt điện đốt KTN ít hơn khoảng một nửa lượng GHGs so với nhà máy nhiệt điện đốt than (đã bao gồm phát thải khí mê-tan). Ngoài ra, nhà máy nhiệt điện đốt KTN thải ra ít hơn 1/10 lượng ô-xít lưu huỳnh, các ô-xít nito, các hạt và kim loại nặng so với đốt than. Hơn 28% lượng KTN khai thác đã được Tập đoàn dùng để vận hành 4 nhà máy nhiệt điện đốt khí với tổng công suất 2.700 MW, góp phần đảm bảo cung cấp điện cho quốc gia

vừa góp phần giảm thiểu đáng kể phát thải GHGs.

Năm 2017, các nhà máy thủy điện gặp nhiều thuận lợi về nguồn nước phát điện, do lượng mưa gia tăng. Tập đoàn đã giảm công suất phát điện từ các nhà máy nhiệt điện khí, qua đó giảm sản lượng khai thác KTN trong năm 2017 giảm so với năm 2015-2016 nhằm bảo vệ tài nguyên và giảm phát thải.

Tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn

Nhận thức được tầm quan trọng trong phát triển năng lượng cũng như tiết kiệm năng lượng, Tập đoàn đã tích cực triển khai mạnh mẽ chiến lược phát triển hạ tầng năng lượng, đồng thời chủ trương thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động dầu khí nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn năng lượng đang có.

+ Lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí: Các đơn vị chủ động trong hoạt động nghiên cứu làm lợi hàng trăm tỉ đồng cho Tập đoàn, điển hình như: tập trung thu gom toàn bộ khí khai thác được để đưa về bờ hoặc tiến hành bơm ép khí đồng hành xuống mỏ để hạn chế lượng khí đồng hành đốt bỏ ngoài khơi;

+ Lĩnh vực khí: PV Gas với nhiều sáng kiến hữu ích như cải tiến sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng



lượng, hàng năm đã tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Công trình “Giải pháp tối ưu hóa nâng cao hiệu quả thu hồi sản phẩm lỏng LPG tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố” của PV Gas đạt giải Nhì VIFOTEC 2016 trong lĩnh vực công nghệ tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng mới.

+ Lĩnh vực lọc hóa dầu: Tiết kiệm năng lượng trong các nhà máy lọc hóa dầu rất quan trọng vì góp phần tiết giảm chi phí vận hành và tăng hiệu quả hoạt động. Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đã thực hiện nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tối ưu hóa năng lượng cho toàn bộ NMLD Dung Quất. Với việc triển khai áp dụng các giải pháp tối ưu hóa, chỉ số năng lượng (EII) đến hết năm 2017 của NMLD Dung Quất đạt 106,5%, giảm 4,6% so với năm 2016, tương đương tiết kiệm khoảng 7 triệu USD/năm. Trong thời gian tới, BSR sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa nhập khẩu để nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà máy.

+ Lĩnh vực điện: PV Power đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện như tận dụng tối đa nguồn sáng tự nhiên; thay thế các thiết bị thông thường bằng các thiết bị tiết kiệm điện; bố trí các thiết bị sử dụng điện năng một cách khoa học; lắp đặt thêm các thiết bị phụ trợ nâng cao hiệu suất điện; thường xuyên bảo trì, cải tạo mạng lưới điện, đồng thời vận hành và quản lý kỹ thuật tốt để tránh lãng phí điện năng, thực hiện hợp tác quốc tế để nghiên cứu tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu.

+ Lĩnh vực dịch vụ dầu khí: PTSC M&C được Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ghi nhận thành tích trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, như triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên các mái nhà xưởng, tiết kiệm hàng nghìn kWh, thay thế toàn bộ hệ thống chiếu sáng trong Công ty bằng đèn Led, giúp giảm lượng điện tiêu thụ, đảm bảo độ sáng và tăng tính an toàn cho hệ thống điện Công ty, thay thế đèn tự động bật – tắt vào các vị trí ít người sử dụng. Các giải pháp trên đã tiết kiệm chi phí lên đến gần 2 tỉ đồng/tiện điện hàng năm.

Phát triển năng lượng tái tạo

Các nhà máy thủy điện thuộc Tập đoàn như Nậm Cắt, Đakđrinh, Hòa Na đều gia tăng sản lượng điện, góp phần vào sản lượng điện của Tập đoàn cho điện lưới quốc gia. Năm 2017, 2018, sản lượng điện của NMTĐ Hòa Na, Đakđrinh, đã tăng 40-50%.

Thủy điện (triệu kWh)	2013	2014	2015	2016	2017
Nhà máy Thủy điện Hòa Na	657,2	672,0	459,2	555,9	734,3
Nhà máy Thủy điện Đakđrinh	-	363,0	515,6	436,2	744,6
Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt	9,75	16,4	15,7	14,8	16,3

Nhiên liệu sinh học

Từ ngày 1/1/2018, Chính phủ qui định chỉ phân phối, sử dụng xăng RON 95 và E5 RON 92 trên toàn quốc, không dùng xăng RON 92 để thúc đẩy phát triển năng lượng sạch. Ngày

15/12/2017, PVOIL đã chủ động chuyển bán đại trà xăng E5 RON 92 trong toàn hệ thống. PVOIL hiện có 11 trạm phối trộn xăng E5 đang hoạt động ổn định và đang tiếp tục đầu tư các trạm phối trộn khác, đảm bảo nguồn cung E5 cho 540 cửa hàng xăng dầu thuộc sở hữu và hơn 3.000 đại lý, cũng như cung ứng rộng rãi cho thị trường.

Cải tiến nâng cấp chất lượng sản phẩm về các khía cạnh môi trường

BSR hiện đang triển khai Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất, trong đó sản phẩm của nhà máy dự kiến được nâng cấp đạt tiêu chuẩn EURO5 vào năm 2022, với việc nâng cấp chất lượng sản phẩm từ EURO2 lên EURO5, giảm 30-50% các thành phần gây ô nhiễm không khí chính như CO,

SOx và NOx trong quá trình tiêu thụ nhiên liệu.

Các sản phẩm đạm, phân bón của Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau đều liên tục được đầu tư nâng cao chất lượng theo hướng phù hợp với từng loại đất, giảm ô nhiễm, thân thiện với môi trường... ■

Nhiều tập đoàn lớn chọn giải pháp thân thiện với môi trường

Một loạt các tên tuổi lớn tự đưa ra cam kết sẽ hạn chế hoặc bỏ hết các sản phẩm từ nhựa trong vài năm tới.

Giày Adidas, cốc uống nước của Starbucks, túi đựng đồ tại siêu thị Morrison của Anh, rồi thìa dĩa của hãng đồ ăn nhanh McDonalds, đồ nội thất của nhãn hàng Thụy Điển Ikea, đây là một số nhãn hàng đã cam kết, trong một vài năm nữa, giảm tối đa việc dùng nhựa hoặc hoàn toàn dùng nhựa tái chế, hoặc chuyển sang dùng các chất liệu thân thiện hơn với môi trường.

Nhựa là một trong những chất liệu khó phân hủy nhất và gây hại tới môi trường nhất, nhưng đồng thời cũng lại

được dùng nhiều nhất trong các tập đoàn, các thương hiệu lớn. Vì nhựa rẻ mà lại đa dụng.

Mới đây nhất, Adidas cam kết tới năm sau các sản phẩm của hãng sẽ có tới hơn 40% là làm từ sợi polyester tái chế. Adidas hy vọng, dòng giày thể thao làm từ nhựa tái chế của hãng có tên là Parley sẽ đạt doanh số 5 triệu đôi bán ra trong năm nay so với 1 triệu đôi của năm ngoái.

Còn tại Ấn Độ, chính quyền bang Maharashtra thậm chí phạt từ 73 USD tới hơn 360 USD đối với các tập đoàn lớn dùng nhựa.

PV

Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong thực hiện khuyến mại và tổ chức hội chợ, triển lãm

Chính phủ mới đây đã ban hành Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại bao gồm khuyến mại và tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại. Trong đó, phân chia đối tượng áp dụng phù hợp với phạm vi điều chỉnh bao gồm thương nhân thực hiện khuyến mại và thương nhân trực tiếp tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và đơn giản hóa nhiều quy định.

Đối với hoạt động thực hiện khuyến mại, hai nguyên tắc thực hiện khuyến mại được bổ sung thêm là không đưa ra điều kiện để khách hàng được hưởng khuyến mại là phải từ bỏ, từ chối hoặc đổi hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, tổ chức khác; đồng thời không được sử dụng kết quả xổ số để làm kết quả xác định trúng thưởng, làm căn cứ để tặng, thưởng trong các chương trình khuyến mại. Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại và mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại đều được quy định là 100%.

Tổng thời gian thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá đối với một loại nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ không được vượt quá 120 ngày trong một năm, thay vì 90 ngày như trước.

Hồ sơ đăng ký tổ chức, thông báo thực hiện khuyến mại có thể được nộp trực tiếp tại các Sở Công Thương, hoặc gửi qua bưu điện, qua thư điện tử (mail) hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Nghị định nêu rõ, trường hợp chương trình khuyến mại có tổng giá trị giải thưởng dưới 100 triệu đồng hoặc chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến thì thương nhân không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại.

Đối với hoạt động tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, thương nhân cần đăng ký tối thiểu 30 ngày trước ngày khai mạc đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam và tối thiểu 45 ngày trước ngày khai mạc đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (thời gian đăng ký tối đa là 365 ngày).

Đặc biệt, thương nhân có thể nộp hồ sơ đăng ký hoặc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung thông qua các hình thức khác nhau như nộp trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Công bố tiêu chí xác định doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là doanh nghiệp không chỉ ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 của Luật công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, từ đó tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp đạt ít nhất 60% trong tổng số doanh thu thuần hàng năm, mà còn cần có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đạt ít nhất 2,5%. Doanh nghiệp cũng cần áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế.

Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp. Các doanh nghiệp muốn cấp lại cần lập hồ sơ đề nghị trước thời hạn Giấy chứng nhận hết hiệu lực 45 ngày.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận của doanh nghiệp và trình Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh xem xét quyết định công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Do đó, các tổ chức, cá nhân chỉ cần lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở NN&PTNT địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ khi Sở NN&PTNT nhận hồ sơ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Tăng cường tính minh bạch trong xác định xuất xứ hàng hóa xuất, nhập khẩu

Thông tư số 38/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20/4/2018 đã đưa ra một số nội dung cơ bản mà các doanh nghiệp cần chú ý về hồ sơ xác định trước xuất xứ, nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; thủ tục, nội dung kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Theo đó, hồ sơ đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa được liệt kê cụ thể 4 thành phần, trong trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa đáp ứng hoặc bị lỗi, người khai hải quan cần nộp 1 bộ hồ sơ giấy đến Tổng cục Hải quan để được giải quyết.

Thông tư cũng nêu rõ, đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt nếu người khai hải quan không nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) thì hàng hóa nhập khẩu áp dụng thuế suất ưu đãi (MFN) hoặc thông thường và được thông quan theo quy định. Đối với hàng hóa phải nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan mà người khai hải quan không nộp thì hàng hóa không được thông quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Các trường hợp hàng hóa đặc biệt khác như đang áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, các biện pháp tự vệ, ... cũng được quy định cụ thể về chứng từ phải nộp và quá trình thông quan.

Riêng đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu không thuộc 4 loại hàng hóa quy định tại Điều 4 Thông tư và hàng hóa nhập khẩu thuộc trường hợp quy định miễn nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, doanh nghiệp không cần nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Người khai hải quan cần khai số tham chiếu, ngày cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên tờ khai hải quan điện tử và tờ khai hải quan giấy để được xem xét áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được quy định nộp tại thời điểm làm thủ tục hải quan. Nếu lúc đó người khai hải quan chưa có chứng từ có thể được nộp chậm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Riêng đối với hàng hóa có C/O mẫu EAV và mẫu KV (VK) thì doanh nghiệp được bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn 1 năm.

Cũng theo Thông tư số 38, quá trình xác minh hàng hóa nhập khẩu được thực hiện trong thời hạn không quá 180 ngày kể từ ngày Tổng cục Hải quan gửi văn bản đề nghị xác minh, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định thời gian xác minh dài hơn. Cơ quan hải quan sẽ thực hiện từ chối chứng từ xuất xứ hàng hóa nếu quá thời hạn này vẫn không nhận được kết quả xác minh.